

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN TÀI NĂNG

Chuyên ngành đào tạo:

TOÁN ỨNG DỤNG TRONG KINH TẾ

QUẢN TRỊ VÀ TÀI CHÍNH

Giai Đoạn 2018 - 2022

Mã số: 73.10.10.8

TP. HỒ CHÍ MINH, tháng 12 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN TÀI NĂNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số 1643/QĐ-ĐHQG ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Giám Đốc ĐHQG Tp.HCM)

- **Tên chương trình:** Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính (Applied Mathematics in Economics, Management and Finance)
- **Trình độ đào tạo:** Đại học
- **Ngành đào tạo:** Toán kinh tế
- **Loại hình đào tạo:** Chính quy tập trung
- **Mã ngành đào tạo:** 7310108
- **Danh hiệu tốt nghiệp:** Cử nhân Kinh Tế, Ngành Toán Kinh Tế
- **Chủ nhiệm ngành:** TS. Phạm Hoàng Uyên

1. Sự cần thiết và lý do mở ngành đào tạo

1.1. Tầm quan trọng của Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính

Đối với một nền kinh tế lạc hậu và lỗi thời, mọi quyết sách thiên về cảm tính thì quả thật Toán học sẽ đóng vai trò mờ nhạt trong thực tiễn. Gần đây, khi nền kinh tế Việt nam đã gần như hoà nhịp vào nền kinh tế Thế Giới thì vấn đề đã có nhiều thay đổi. Hàng loạt các bài toán được đặt ra cho các nhà chiến lược kinh tế: Phân tích tài chính, phân tích thị trường, phân tích các nguồn vốn đầu tư, phân tích các chỉ số phát triển.... Chìa khoá cơ bản để giải quyết các vấn đề này là Toán học. Chính vì vậy mà cần có một cái nhìn tiến bộ hơn cho hàm lượng thời gian, hàm lượng kiến thức, chương trình đào tạo cho chương trình Toán ứng dụng cho khối ngành kinh tế. Một thực tế, trong nền kinh tế của nền nông - lâm - ngư nghiệp Việt Nam là "được mùa thì mất giá, được giá thì mất mùa", việc này chủ yếu do nông dân đầu tư sản xuất theo cảm tính. Đúng ra thực trạng này phải xảy ra

với mức độ nghiêm trọng hơn ở Mỹ, nơi sức sản xuất của nông dân rất lớn. Nhưng ở Mỹ với nền xác suất thống kê ứng dụng rất mạnh, họ dự báo chính xác và người dân tin và dựa vào các dự báo này để điều tiết sản xuất. Các mô hình xây dựng đề đập cũng không có chất lượng Toán cao, không lường hết các hậu quả trong các trường hợp đặc thù. Đã đến lúc, cần thiết phải sử dụng các công cụ toán học để giải quyết trực tiếp các bài toán kinh tế lớn.

Để thực hiện việc đó chúng ta cần phải đào tạo ra đội ngũ nhân lực có nền tảng tư duy cũng như tri thức để hiểu và vận dụng giải quyết được các vấn đề trong thực tế. Chẳng hạn, như những vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính là yếu tố quan trọng hàng đầu trong nền kinh tế, chúng ta cần thiết phải xây dựng mô hình, các dự báo về tài chính và quản trị rủi ro tài chính ở cả cấp độ vĩ mô lẫn vi mô nhằm hạn chế các nguy cơ vỡ nợ, suy thoái, khủng hoảng cho nền kinh tế.

Bên cạnh đó, những thay đổi và tiến bộ nhanh chóng của Khoa học kỹ thuật sẽ mở ra kỷ nguyên mới của sự lựa chọn các phương án đầu tư kinh doanh, tối ưu hóa sử dụng các nguồn lực, thúc đẩy năng suất lao động và hiệu quả, tạo bước đột phá về tốc độ phát triển, phạm vi mức độ tác động làm biến đổi cơ bản hệ thống sản xuất và quản trị xã hội cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Tiến bộ này chính là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, và nền tảng của nó là Toán học.

1.2. Nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính

Việt Nam đang phát triển mô hình xã hội chủ nghĩa theo định hướng kinh tế thị trường, với sự tham gia và điều tiết của Chính Phủ, và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong vài thập kỷ qua. Do đó, các hoạt động quản trị tài chính trong mọi tổ chức kinh tế cần được nghiên cứu cải tiến liên tục theo đà phát triển.

Trên thế giới đã có rất nhiều tiến bộ trong xây dựng mô hình kinh tế, tài chính dựa trên toán học và ứng dụng công nghệ thông tin. Tuy nhiên những tiến bộ này chưa được áp dụng sâu rộng tại Việt Nam. Một trong những lý do là những cơ sở đào tạo hiện hữu chưa thực sự tạo dựng sự giao thoa của Toán học, Thống kê, Công nghệ thông tin và các lý thuyết tài chính. Chẳng hạn Đại học Kinh tế có ngành Kinh tế tài chính nhưng đào tạo

chưa sâu, ở trường Khoa học Tự nhiên có bộ môn Tài chính định lượng nhưng còn lý thuyết quá nhiều, ở Đại học Sài Gòn cũng thế. Do vậy, cần phải có kiến thức sâu, rộng và liên ngành và bài bản mới có khả năng tham gia hoạt động nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu của thế giới vào tình hình cụ thể tại Việt Nam.

Mặc dù có nhu cầu nhân lực rất lớn, do sự bùng nổ và phát triển của ngành kinh tế, tài chính tại Việt Nam 20 năm qua, việc đào tạo nghiên cứu viên và chuyên gia phân tích, dự báo về tài chính vẫn còn rất hạn chế. Theo hiểu biết của chúng tôi, đã có một số trường đại học đang nỗ lực phát triển và đào tạo về kỹ thuật tài chính và quản trị rủi ro. Tuy nhiên, quá ít ỏi mới đáp ứng được nhu cầu thực tế ở nước ta.

Nhằm góp phần đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế nói chung và hệ thống tài chính nói riêng, cũng như tận dụng được xu thế phát triển, tích hợp các thế mạnh của các ngành học đang có tại Trường Đại học Kinh tế Luật chúng tôi đã nghiên cứu và xây dựng ngành học: **Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính – chương trình đào tạo Cử nhân tài năng.**

Khác với các chương trình hiện có trong nước, chuyên ngành Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính, Đại học Kinh tế - Luật chúng tôi muốn tạo ra một cơ sở toán với sự cần thiết vừa đủ nhưng song song đó sinh viên ứng dụng mạnh các mô hình toán thống kê, kinh tế lượng toán là mục tiêu hàng đầu. Giúp sinh viên đáp ứng nguồn nhân lực khan hiếm hiện nay tại các tổ chức tài chính, ngân hàng. Ngoài ra chúng tôi rất chú trọng đến lĩnh vực khai thác dữ liệu, phân tích, xử lý dữ liệu nhất là từ khóa Data science. Là vấn đề được quan tâm rất lớn hiện nay. Chuyên ngành đào tạo thể hiện tính ứng dụng cao về mặt toán học trong quá trình đào tạo, tổ chức kết nối với doanh nghiệp nhằm giúp sinh viên có cơ hội cọ sát các vấn đề thực tiễn.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Toán Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội; có năng lực chuyên môn về toán kinh tế, có khả năng phân tích, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề kinh tế thuộc các lĩnh vực kinh tế xã hội, các cấp khác nhau của nền kinh tế quốc dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Phẩm chất chính trị: Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt, hiểu biết đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Kiến thức: Các cử nhân tốt nghiệp chuyên ngành **Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính** có khả năng phân tích, dự báo và tư vấn cho việc hoạch định chính sách và lựa chọn quyết định tác nghiệp một cách có căn cứ khoa học dựa trên các công cụ phân tích định lượng, các phương pháp và phương tiện phân tích dữ liệu hiện đại.

Kỹ năng: Trước hết, sinh viên thành thạo kỹ năng thu thập dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau. Nguồn có thể là dữ liệu sơ cấp hay các dữ liệu thứ cấp chất lượng cao như nguồn dữ liệu có bản quyền của Thomson Reuters đã được trang bị tại trung tâm nghiên cứu kinh tế tài chính, đại học kinh tế luật. Sau đó, sinh viên hoàn thiện các kỹ năng mô hình hóa kinh tế xã hội và phân tích kinh tế bằng mô hình. Sử dụng tốt các kỹ thuật phân tích dữ liệu kinh tế xã hội và dự báo. Biết vận dụng kiến thức hệ thống hình thành kỹ năng làm việc theo nhóm và tổ chức các hoạt động như khảo sát, tổng hợp dữ liệu và lập báo cáo ở các mức độ khác nhau theo nhu cầu công việc. Có kỹ thuật mô phỏng ngẫu nhiên đáp ứng việc nghiên cứu và thực nghiệm.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Nghiêm túc trong nghiên cứu và thực hành. Tôn trọng tính hệ thống trong công việc, cầu thị trong chuyên môn.

Trình độ ngoại ngữ, tin học: đáp ứng chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của ĐHQG, đáp ứng nhu cầu công việc và đào tạo sau đại học.

Trình độ tin học: Sử dụng tốt các phần mềm chuyên dụng trong các lĩnh vực Toán học, Thống kê toán, Mô hình hóa, Mô phỏng, Tài chính: Excel, SPSS, Winstata, Eviews, Gamside, Matlab, MetaStock,...

Khả năng học tập suốt đời: Có khả năng tự học, tự phát triển và học sau đại học.

2.2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)

Chúng tôi xây dựng chuẩn đầu ra với mục đích trước nhất là đảm bảo sinh viên đủ kiến thức và kỹ năng để làm việc trong các doanh nghiệp khi ra trường. Ngoài ra, nếu sinh viên có nguyện vọng tiếp tục con đường học vấn để trở thành nguồn nhân lực với kỹ

năng cao cấp sau này thì họ đã được trang bị nền tảng kiến thức cơ bản cả lý thuyết và thực hành vững chắc để tiếp tục lên bậc học thạc sĩ hay tiến sĩ trong và ngoài nước.

Cụ thể hơn chương trình của chúng tôi có đầy đủ các môn nền tảng của kinh tế học như kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, thống kê và kinh tế lượng hay các môn học về tài chính, tính toán sẽ giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể chuyển tiếp học các chương trình sau đại học trong và ngoài nước về kinh tế hay tài chính. Trong khuôn khổ hợp tác sẵn có của trường Đại học Kinh tế Luật thì sinh viên có thể được tài trợ để học chương trình thạc sĩ về Tài chính định lượng của viện xuất sắc John Von Neumann thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh hay chương trình cao học kinh tế của Trung tâm nghiên cứu và hỗ trợ đào tạo Kinh tế-Tài chính, Quản Trị và Môi trường Việt Nam VCREME.

Các môn học liên tục được bổ sung, cập nhật theo kịp tiến bộ mới nhất trên thế giới nên sinh viên sau khi tốt nghiệp hoàn toàn đủ khả năng, tự tin học tiếp lên bậc cao hơn.

Các chuẩn đầu ra bổ sung cho chương trình CNTN ngành Toán Kinh tế như sau

:

- Chuẩn đầu ra tiếng Anh cao hơn so với sinh viên chính quy. Chuẩn đầu ra tiếng Anh của sinh viên CNTN là TOEIC 550 so với sinh viên thường là 500.
- Kỹ năng trình bày và thuyết trình bằng tiếng Anh tốt. Số sinh viên CNTN viết luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Anh và trình bày báo cáo luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Anh: 100 %
- Kỹ năng sử dụng máy tính và các phần mềm tin học trong việc giải quyết các bài toán chuyên ngành được rèn luyện và tăng cường.
- Các kỹ năng mềm được nâng cao và được rèn luyện, trong đó chú trọng kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng nghiên cứu khoa học. 100% sinh viên CNTN phải tham gia nghiên cứu khoa học (tối thiểu phải có 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường).

Điểm khác biệt về tổ chức giảng dạy- NCKH sinh viên lớp CNTN ngành Toán Kinh Tế:

- Sinh viên lớp CNTN ngành Toán Kinh Tế sẽ học các môn tài năng (Phần đại trà với sinh viên lớp CLC) và các môn này được giảng dạy hoàn toàn bằng Tiếng Anh hoặc Song ngữ.

- Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên: sinh viên CNTT từ cuối năm thứ 2, nếu có nguyện vọng, có thể được tham gia vào các nhóm nghiên cứu khoa học. 100% sinh viên CNTT phải tham gia vào các nhóm nghiên cứu khoa học trong năm thứ 3.

2.2.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo – môn học

	Môn học	TC	Kiến thức			Mức tự chủ và chịu trách nhiệm					Kỹ năng			Năng lực nghề nghiệp		
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3
	Ngoại ngữ	20										X	X			
HK1	Những NLCB của CN ML	5	X					X	X			X				
	Toán cao cấp	5	X									X				
	Lý luận nhà nước và pháp luật	3		X		X	X			X	X	X		X		
	Kinh tế học vi mô	3	X					X	X			X				
	Môn tự chọn 1	2	X					X				X				
HK2	Luật doanh nghiệp	3	X			X	X	X								
	Kinh tế vĩ mô	3	X						X			X			X	
	Nguyên lý kế toán	3	X							X				X	X	
	Quản trị học căn bản	3	X							X						
	Lý thuyết xác suất	2	X						X							
	Môn tự chọn 1	2	X					X								
	Môn tự chọn 2	2	X									X				
	Giáo dục thể chất	2														

	Giáo dục QP (4 tuần)	165t													
1. HK3	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	X						X		X				
	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước	3						X			X		X	X	
	Marketing căn bản	3		X		X							X		
	Nguyên lý thị trường tài chính	3		X		X	X	X		X					
	Thống kê ứng dụng	3		X					X					X	
	Data Visualization	3		X					X						
	Môn tự chọn 1 (Phương pháp nghiên cứu khoa học)	3		X		X	X	X		X					
HK4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	X							X		X			
	Kinh tế học quốc tế	2		X									X		
	Hệ thống thông tin kinh doanh	2		X					X					X	
	Kinh tế lượng	3		X					X			X		X	
	Thị trường chứng khoán	2		X					X					X	
	Toán kinh tế	3		X					X			X		X	
	Toán tài chính	2		X					X			X		X	
	Tài chính doanh nghiệp	3		X						X		X		X	
HK5	Dự báo kinh tế	3			X				X				X		X

	Kinh tế đối ngoại	3		X				X				X		X		
	Vận trù học	3			X				X				X			X
	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	3			X				X				X			X
	Leadership	3		X				X				X		X		
HK6	Tài chính quốc tế	3		X				X				X		X		
	Quản trị rủi ro tài chính	3			X				X				X			X
	Toán tài chính nâng cao	2			X				X				X			X
	Mô hình định giá tài sản	3		X				X				X			X	
	Môn học tự chọn chuyên sâu 1	3			X				X				X			X
	Môn học tự chọn chuyên sâu 2	3			X				X				X			X
HK7	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3														
	Môn tự chọn 1	3			X				X				X			X
HK8	Thực tập tốt nghiệp	4			X				X				X			X
	Khóa luận tốt nghiệp	6			X				X				X			X

2.2.3. Cơ hội nghề nghiệp

2.5.1 Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp:

Vị trí làm việc sau tốt nghiệp: Với kiến thức được trang bị một cách có hệ thống và tổng hợp, các cử nhân Toán kinh tế có khả năng thích nghi với thực tiễn và làm việc có hiệu quả trong nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội khác nhau: Tài chính - tiền tệ, Phân tích kinh

doanh, Phân tích, tư vấn chính sách... Sinh viên tốt nghiệp được trang bị tốt các kiến thức cơ bản để tham dự các chương trình đào tạo sau đại học trong nước và quốc tế. Phát triển các hướng chuyên sâu thuộc lĩnh vực Toán ứng dụng trong kinh tế như Kinh tế toán, Toán tài chính, Định phí bảo hiểm và tài chính, ...

Cử nhân Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính có thể làm việc ở các vị trí:

- + Chuyên viên quản lý danh mục đầu tư, chuyên viên quản trị rủi ro cho các công ty, các tập đoàn kinh tế, các công ty bảo hiểm.
- + Chuyên viên định chế tài chính (Ngân hàng, Công ty tài chính; Công ty chứng khoán)
- + Nghiên cứu viên ở các viện nghiên cứu, cơ quan hoạch định chính sách
- + Giảng viên các trường đại học và cao đẳng khối kinh tế và quản trị kinh doanh
- + Tự xây dựng và điều hành các cơ sở sản xuất kinh doanh, các công ty tài chính, bảo hiểm.

2.5.2 Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Cử nhân tốt nghiệp chuyên ngành Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính sẽ đáp ứng đầy đủ điều kiện về kiến thức và kỹ năng để tiếp tục theo học chương trình thạc sĩ trong khối ngành kinh tế, tài chính và quản trị, tiêu biểu như thạc sĩ về tài chính định lượng của viện John Von Neumann trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu sinh viên chọn con đường tiếp tục học thạc sĩ, họ sẽ trở thành lực lượng lao động chất lượng cao vốn đang thiếu hụt nghiêm trọng trong nền kinh tế thành phố nói riêng và cả nước nói chung.

Ngoài ra, có những chương trình hợp tác đào tạo thạc sĩ về tài chính và kinh doanh giữa Đại học Quốc gia và các trường đại học Ireland và một số quốc gia Châu Âu khác, sinh viên tốt nghiệp sẽ đáp ứng đầy đủ yêu cầu hội nhập để có thể học tốt các chương trình hợp tác quốc tế này. Bên cạnh đó, sinh viên tốt nghiệp sẽ có khả năng tiến hành nghiên cứu chuyên sâu và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh.

3. Thời gian đào tạo: 4 năm với 8 học kỳ

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

130 tín chỉ không kể khối kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và ngoại ngữ.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo Đại học được ban hành kèm theo Quyết Định 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám Đốc ĐHQG TP. Hồ Chí Minh.

6.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3, học kỳ 4.
- Khối kiến thức chuyên ngành: học kỳ 4, học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 7, 8.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Tích lũy đủ số TC của ngành đào tạo;
- Đạt điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa theo quy định;
- Đạt các chứng chỉ GDQP, chứng chỉ giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Điều kiện ngoại ngữ: đạt chuẩn 550 TOEIC hoặc các văn bằng tương đương.

6. Thang điểm

Thang điểm sử dụng là thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

7. Chương trình đào tạo: 130 Tín chỉ

8.1 Tỷ lệ các khối kiến thức

Hệ đào tạo	Thời	Tổng	Kiến	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên	TTCK,	Phân bố theo bắt buộc và tự chọn	Ghi chú
------------	------	------	------	---------------------------------	-------	----------------------------------	---------

	gian đào tạo (năm)	khối lượng kiến thức	thức cơ bản	ngành			KLTN hoặc các HPCĐ	Bắt buộc	Tự chọn		
				Toàn bộ	Cơ sở ngành	Chuyên ngành			Yêu cầu trong CTĐT	Được liệt kê để lựa chọn	
Đại học chính quy	4	130		84	32	52	4+6	95	35	61	Không kê phân kiến thức: ngoại ngữ (20TC), GDTC (5 TC), GDQP (165 tiết, tương đương 8TC)
		Tỷ lệ (%)	27,7	64,6			7,7				

8.2. Cơ cấu các khối kiến thức

Khối kiến thức đại cương	Khối kiến thức cơ sở khối ngành	Khối kiến thức cơ sở nhóm ngành	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
38TC	20TC	12 TC	50 TC	10 TC
29%	15%	10%	38%	8%

8.3 Nội dung chi tiết chương trình đào tạo

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	NÂNG CAO (MÔN TÀI NĂNG CHIẾM 25%-35% TỔNG TÍN CHỈ TÍCH LŨY)
Khối kiến thức cơ bản (kiến thức giáo dục đại cương): 46 tín chỉ						
Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (10 TC)						
Các môn học bắt buộc (10 TC)			10	10		

1	GEN1001	Những nguyên lý của CN Mác – Lênin	5	5		
2	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3		
3	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
Khoa học xã hội: 7 tín chỉ						
Các môn học bắt buộc (3TC)			3	3		
1	ECO1004	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước	3	3		
Các môn tự chọn (4 TC)			4	4		
1	GEN1106	Xã hội học	2	Chọn 1 trong 2 môn		
2	GEN1105	Văn hóa học	2			
3	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2	Chọn 1 trong 2 môn		
4	GEN1104	Quan hệ quốc tế	2			
Nhân văn – Kỹ năng: 5 tín chỉ						
1	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	Chọn 1 trong 2 môn		
2	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm	2			

3	GEN1108	Phương pháp NCKH	3	Bắt buộc SV TN		Môn tài năng
Khoa học pháp lý: 3 tín chỉ						
Các môn học bắt buộc: 3 TC			3	3		
1	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	3		
Toán và Khoa học tự nhiên (10 tín chỉ)						
Các môn học bắt buộc: 7 TC			7	7		
1	MAT1001	Toán cao cấp	5	5		
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2		
3	MAT1003	Thống kê ứng dụng	3	3		Môn tài năng
4	MAT1004	Kinh tế lượng	3	3		Môn tài năng
5	MAT1007	Data Visualization	3	3		
Các môn học tự chọn: 3TC			3	3		
1	GEN1107	Logic học	3	Chọn 1 trong 2 môn		
2	MIS1004	Tin học ứng dụng	3			
Khoa học kinh tế: 18 tín chỉ						

Các môn học bắt buộc (18 TC)			18	18		
1	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3	3		
2	ECO1003	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		
3	BUS1100	Quản trị học căn bản	3	3		
4	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3		
5	BUS1200	Marketing căn bản	3	3		
6	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	3		
Ngoại ngữ không chuyên: 20 tín chỉ						
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1	
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1	
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1	
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1	
Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ						

Giáo dục quốc phòng: 165 tiết (tương ứng 5 tín chỉ)						
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 84 Tín chỉ						
Kiến thức cơ sở ngành (36 tín chỉ)						
Các môn học bắt buộc: 30 TC			30	27		
1	MAT1008	Toán kinh tế		3		Môn tài năng
2	ECO1006	Dự báo kinh tế		3		Môn tài năng
3	MAT1009	Toán tài chính		3		
4	FIN1102	Tài chính doanh nghiệp		3		
5	ECO1004	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước		3		
Các môn học tự chọn (0 TC)			0			
Kiến thức chuyên ngành: 38 tín chỉ						
Các môn học bắt buộc (33 TC)			33	33		
1	MIS1005	Hệ thống thông tin trong kinh doanh	2	2		
2	FIN1112	Quản trị rủi ro tài chính	3	3		
3	MAT1012	Thống kê Bayes	3	3		Môn tài năng
4	MAT1015	Phân tích chuỗi thời	3	3		

		gian trong tài chính				
5	MAT1017	Toán tài chính nâng cao	3	3		Môn tài năng
6	MAT1018	Mô hình định giá tài sản	3	3		
7	MAT1012	Vận trù học	3	3		
8	FIN1109	Thị trường chứng khoán	2	2		
9	COM1007	Tài chính quốc tế	3	3		
10	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2		
11	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3		
12	ECO1005	Lập thẩm định dự án đầu tư	3	3		
Các môn học tự chọn (6TC)			6			
1	MAT1021	Phương pháp tối ưu trong học máy	3	3		
2	MAT1022	Thống kê Bayes nâng cao	3	3	Bắt buộc SV TN	Môn tài năng
3	MAT1020	Phân tích số liệu mảng	2	2		

4	MAT1019	Phân tích dữ liệu Bayes	2	2	Bắt buộc SV TN	Môn tài năng
5	MAT1025	Seminar	3	3	Bắt buộc SV TN	Môn tài năng
6	MAT1016	Lập trình thống kê	3	3		
7	MAT1026	Toán ứng dụng trong quản trị rủi ro và danh mục đầu tư	3	3		
8	MAT1028	Thống kê trong Quản trị kinh doanh và Marketing	3	3		
9	MAT027	Định phí bảo hiểm	3	3		
10	MAT1010	Lý thuyết trò chơi	3	3		
11	MAT1029	Kinh tế lượng nâng cao	3	3		
12	MIS1017	Phân tích dữ liệu web	3	3		
13	GEN1109	Leadership	3	3	Bắt buộc SV TN	Môn tài năng
Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần chuyên môn: 10 tín chỉ						

8. DANH MỤC CÁC MÔN TÀI NĂNG

STT	MÃ MÔN HỌC	Tên môn học	Phần mở rộng			
			Đồ án/Đề tài (Đánh dấu X vào một trong hai hình thức sau)		Lý thuyết bổ sung	Thí nghiệm/Thực hành bổ sung
			Lớp riêng	Không có lớp riêng		
1	GEN1108	Phương pháp NCKH	X			
2	GEN1109	LeaderShip	X			
3	BC 01	Thực tập tốt nghiệp		X		
4	KL 01	Khóa luận tốt nghiệp		X		
5	MAT1003	Thống kê ứng dụng				
6	MAT1004	Kinh tế lượng				
7	ECO1006	Dự báo kinh tế				
8	MAT1012	Thống kê Bayes				
9	MAT1022	Thống kê Bayes nâng cao				
10	MAT1019	Phân tích dữ liệu Bayes				
11	MAT1017	Toán tài chính nâng cao				
12	MAT1008	Toán kinh tế				
13	MAT1025	Seminar				

*: Môn tài năng là môn mà sinh viên tài năng bắt buộc học (kể cả là môn học tự chọn)

9. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

HỌC KỲ I – 18 TC (không bao gồm giáo dục thể chất)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	16	16			
1	GEN1001	Những nguyên lý cơ bản của Mác-Lênin	5	5			
2	ECO1001	Kinh tế học vi mô	3	3			MAT1001
3	LAW1001	Lý luận Nhà nước và pháp luật	3	3			
4	MAT1001	Toán cao cấp (5TC)	5	5			
		Môn học tự chọn	2	2			
7	GEN1101	Tâm lý học đại cương	2	2			GEN1001
8	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	2			
		2 môn chọn 1					
9	GEN1004	Giáo dục thể chất 1	3	3			

HỌC KỲ II – 18 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC		Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc		14	14			
1	LAW1501	Luật doanh nghiệp		3	3			
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô		3	3			MAT1001 ECO1001
3	ACC113	Nguyên lý kế toán		3	3			
4	BUS1100	Quản trị học căn bản		3	3			
5	MAT1002	Lý thuyết xác suất		2	2			MAT1001
		Môn học tự chọn		4	4			
6	GEN1105	Văn hóa học	2 môn chọn 1	2	2			
7	GEN1106	Xã hội học		2	2			
8	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2 môn chọn 1	2	2			
9	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2			
10	GEN1005	Giáo dục thể chất 2		3	3			
11	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)		165t				

HỌC KỲ III (NĂM 2): 19 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC		Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc		14	14			
1	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN		3	3			
2	MAT1003	Thống kê ứng dụng		3	3		Môn tài năng	MAT1001 MAT1002
3	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính		3	3			ECO1001 ECO1002
4	MAT1007	Data Visualization		2	2			
5	BUS1200	Marketing căn bản		3	3			
		Môn học tự chọn		5	5			
6	GEN1008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Môn tài năng	3	3			MAT1001 MAT1002 MAT1003
7	MIS1004	Tin học ứng dụng	2 môn chọn 1	3	3			
8	GEN1007	Logic học		3	3			

HỌC KỲ IV: 20 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	20	19	1		
1	MAT1008	Toán kinh tế	3	3		Môn tài năng	MAT1001
2	MIS1005	Hệ thống thông tin trong kinh doanh	2	1	1		
3	MAT1009	Toán tài chính	3	3			
4	FIN1109	Thị trường chứng khoán	2	2			
5	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2			ECO1001 ECO1002
6	FIN1102	Tài chính doanh nghiệp	3	3			
7	MAT1004	Kinh tế lượng	3	3		Môn tài năng	MA10001 MAT1002 MAT1003
8	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			

HỌC KỲ V: 16 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	11	11			
1	ECO1006	Dự báo kinh tế	3	3		Môn tài năng	MAT1004
2	MAT1012	Vận trù học	2	2			
3	MAT1014	Thống kê Bayes	3	3		Môn tài năng	
4	MAT1015	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	3	3			MAT1004
		Môn học tự chọn	5	5			
1	GEN1109	LeaderShip (Nghệ thuật lãnh đạo)	3	3		Môn tài năng	
2	MAT1016	Lập trình thống kê	3	3		Chọn 1 trong 7 môn này	
3	MIS1008	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	3			MIS1004
4	MAT1026	Toán ứng dụng trong quản trị rủi ro và phân bổ đầu tư	3	3			
5	MAT1029	Kinh tế lượng nâng cao	3	3			MAT1004
6	MIS1017	Phân tích dữ liệu web	3	3			
7	MAT1020	Phân tích số liệu mạng	2	2			MAT1004
8	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	2	2			

HỌC KỲ VI: 16 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	13	13			
1	COM1007	Tài chính quốc tế	3	3			
2	FIN1112	Quản trị rủi ro tài chính	3	3			
3	MAT1017	Toán tài chính nâng cao	3	3		Môn tài năng	MAT1009
4	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			ECO1001
		Môn học tự chọn	3	3			
1	MAT1019	Phân tích dữ liệu Bayes	3	3			MAT1003
2	MAT1024	Giới thiệu về máy học	3	3			
3	MAT1028	Thống kê trong Quản trị kinh doanh và Marketing	3	3			MAT1004

HỌC KỲ VII: 16 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	10	10			
1	ECO1005	Lập thẩm định dự án đầu tư	3	3			
2	MAT1018	Mô hình định giá tài sản	3	3			FIN1102
3	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			ECO1002
		Môn học tự chọn	6	6			
1	MAT1025	Seminar (invited lectures)	3	3		Môn tài năng	
2	MAT1021	Phương pháp tối ưu trong học máy	3	3			MAT1003 MAT1007
3	MAT1022	Thống kê Bayes nâng cao	3	3		Môn tài năng	MAT1014
4	MAT1027	Định phí bảo hiểm	3	3			MAT1003

HỌC KỲ VIII: 10 TC

	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1		Thực tập tốt nghiệp	4		4	Môn tài năng	
2		Khóa luận tốt nghiệp	6		6	Môn tài năng	

KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 20 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1		Đầu vào A2
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1		ENG1001
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1		ENG1002
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1		ENG1003

KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG (chọn 12 *tín chỉ* theo khối tự chọn mở rộng)

Sinh viên có thể chọn lựa khối môn học tự chọn mở rộng của các chương trình giáo dục khác với chương trình giáo dục **chính** nhằm đa dạng hóa kiến thức tích lũy và kết quả học tập khối môn học tự chọn mở rộng được thể hiện thành khối kiến thức chương trình giáo dục **phụ** trên bảng điểm tốt nghiệp

Chương trình giáo dục: Kinh tế học (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			
2	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			
3	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	4			
4	ECO1008	Kinh tế công	3	3			
5	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2			
2	ECO1023	Chính sách công	4	4			
3	ECO1025	Quản lý công	3	3			
4	ECO1014	Kinh tế phát triển	3	3			
5	ECO1009	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3			
6	ECO1008	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
-----	-------	---------	---------	----------------------

			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1010	Tập quán thương mại quốc tế	3	3			
2	COM1011	Logistics	3	3			
3	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	COM1028	Phân tích chính sách đối ngoại của Việt Nam (seminar)	3	3			
5	COM1006	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1020	Quản trị đa văn hoá	3	3			
2	COM1005	Kinh doanh quốc tế	3	3			
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			
4	COM1022	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3			
5	COM1015	Đầu tư quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Tài chính							
1	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
2	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			
3	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3			
4	FIN1104	Thuế	3	3			
5	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
6	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
Ngân hàng							
1	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3			
2	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
3	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
4	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3			
5	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
6	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			

Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1023	Kế toán tài chính	4	4		ACC1013	
2	ACC1502	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
3	ACC1063	Kế toán phần hành 1	3	3		ACC1013	
4	ACC1153	Thuế - thực hành và khai báo	3	3			
5	ACC1582	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1033	Kế toán tài chính 1	3	3		ACC1013	
2	ACC1043	Kế toán tài chính 2	3	3		ACC1013	
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
4	ACC1083	Kế toán quốc tế	3	3		ACC1013	
5	ACC1583	Phân tích báo cáo tài chính	3	3		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC) (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết		
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi	
Nhóm 1								
1	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	2	1	MIS1015		
2	MIS1022	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1			
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	2	1			
4	MIS1023	Kế toán tin học	3	2	1			
Nhóm 2								
1	MIS1024	Lập trình CSDL	3	2	1	MIS1011, MIS1007		
2	MIS1025	Thiết kế Web 2	3	2	1	MIS1012		
3	MIS1026	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1	MIS1011, MIS1012		
4	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	2	1	MIS1015		

Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC) (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	3		MIS1015	
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
Nhóm 2							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
4	MIS1033	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	3			MIS1011

Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS 1103	Quản trị nguồn nhân lực	3	Chọn 3 trong 5 môn			
2	BUS 1105	Quản trị chiến lược	3				
3	BUS 1205	Quản trị marketing	3				
4	BUS 1207	Quản trị truyền thông	3				
5	BUS 1210	Nghiên cứu marketing	3				
6	BUS 1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Chọn 1 trong 2 môn			
7	BUS 1308	Kỹ năng bán hàng	3				

Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1502	Luật hợp đồng	3	3			
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
3	LAW1503	Luật Thương mại	3	3			
4	LAW1505	Luật Đất đai	3	3			
5	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	3			
6	LAW1518	Luật Kinh doanh quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102
3	LAW1108	Pháp luật về tài sản trong gia đình	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1107
4	LAW1109	Tổ tụng dân sự	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
5	LAW1114	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1109 LAW1113

Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1201	Luật ngân hàng	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
3	LAW1206	Luật chứng khoán	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1207

10. Kế hoạch thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp

10.1. Thực tập tốt nghiệp:

10.1.1. Chuẩn bị

Đầu học kỳ VII, Bộ Môn gặp gỡ sinh viên phổ biến về kế hoạch thực tập tốt nghiệp: Thời gian, yêu cầu doanh nghiệp thực tập, đề tài báo cáo, nội dung báo cáo,...; Định hướng cho sinh viên chọn đề tài báo cáo; Bộ Môn sẽ hướng dẫn giới thiệu thực tập cho sinh viên hoặc sinh viên tự liên hệ và với doanh nghiệp thực tập....

Bộ Môn cung cấp giấy giới thiệu cho sinh viên và mọi hỗ trợ cần thiết để sinh viên liên hệ doanh nghiệp thực tập.

Sau khi liên hệ được doanh nghiệp thực tập, sinh viên đăng ký sơ bộ đề tài báo cáo tốt nghiệp, với đề nghị giảng viên hướng dẫn nếu có thỏa thuận với giảng viên.

Bộ Môn phân công giảng viên hướng dẫn cho từng sinh viên.

Cuối học kỳ VII, Sinh viên gặp gỡ giảng viên hướng dẫn, trao đổi cụ thể về kế hoạch thực tập tốt nghiệp và viết báo cáo thực tập.

10.1.2. Thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp và viết báo cáo:

- Sinh viên sẽ xin triển khai đề tài khóa luận của mình tại doanh nghiệp và theo sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn
- Kết thúc thời gian thực tập (10 tuần), sinh viên nộp báo cáo và nhận xét đánh giá của doanh nghiệp thực tập.
- Sinh viên hoàn thành đề tài để chuẩn bị báo cáo khóa luận.

10.2. Làm khóa luận tốt nghiệp

Cuối học kỳ VII, Khoa phân công giảng viên hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận.

- Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian từ khi sinh viên học chuyên đề đến khi kết thúc thực tập.
- Sinh viên viết đề cương chi tiết về khóa luận, nộp cho giảng viên hướng dẫn.
- Giảng viên hướng dẫn góp ý, chỉnh sửa Đề cương chi tiết.
- Bộ môn góp ý về đề cương chi tiết của sinh viên.
- Sinh viên vừa thực tập tại doanh nghiệp (hoặc với giáo viên hướng dẫn) vừa triển khai để hoàn thành khóa luận.
- Giảng viên hướng dẫn viết nhận xét với điểm đánh giá.
- Khóa luận được phản biện và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng

❖ Thỏa thuận của các đơn vị, cơ sở bên ngoài về việc nhận sinh viên thực tập:

Trường đại học Kinh tế - Luật có ký thỏa thuận hợp tác với nhiều doanh nghiệp, đơn vị trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là những đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, bao gồm những doanh nghiệp tiếp nhận sinh viên thực tập.

11. Tóm tắt đề cương môn học

11.1 NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN (THEORIES OF MAC-LENIN)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của nó.

- Triết học Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phép biện chứng duy vật và Chủ nghĩa duy vật lịch sử
- KTCT Mác – Lênin bao gồm: Học thuyết giá trị; Học thuyết giá trị thặng dư và Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước.
- CNXH khoa học bao gồm: Sứ mệnh của giai cấp công nhân và tiến trình cách mạng XHCN và Các quy luật kinh tế, chính trị, xã hội của CNXH

11.2 KINH TẾ HỌC VI MÔ 1 (MICROECONOMICS)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Toán cao cấp

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Bao gồm những nội dung cơ bản của kinh tế vi mô: Cung cầu thị trường, cân bằng cung cầu, hành vi người tiêu dùng, doanh nghiệp và sản xuất, lý thuyết chi phí, thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, độc quyền nhóm, cạnh tranh độc quyền, thị trường yếu tố sản xuất....

11.3 LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT (FUNDAMENTALS OF LEGISLATION)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Nội dung môn học bao gồm 7 chương về các vấn đề của pháp luật và hệ thống luật Việt Nam

11.4 TOÁN CAO CẤP (Higher Mathematics)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Phần đầu của môn học trang bị các kiến thức nhập môn về ĐSTT và một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT trong kinh tế, đặc biệt là QHTT. Phần 2 trang bị kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, sơ lược về tích phân bội và phương trình vi phân, các ứng dụng cơ bản của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế.

Nội dung bao gồm: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; không gian $\mathbf{R}^n$; giá trị riêng, vector riêng của ma trận; dạng toàn phương; một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT và QHTT trong kinh tế; bài toán QHTT và phương pháp đơn hình, bài toán QHTT đối ngẫu. Hàm nhiều biến, sơ lược về giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến, đạo hàm riêng và vi phân, cực trị địa phương và cực trị toàn cục của hàm hai biến; sơ

lược về tích phân kép và phương trình vi phân cấp 1, cấp 2; ứng dụng của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế.

11.5 ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

- **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối CM của ĐCSVN, trong đó tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ từ đổi mới trên một số lĩnh vực KT – CT – VH - XH, đối ngoại...vv. XD cho SV niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản VN, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.
- Giúp SV vận dụng kiến thức môn học để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề KT – CT – VH - XH... theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

11.6 KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM (Teamwork)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

- Kỹ năng làm việc nhóm là một trong những kỹ năng mềm rất cần thiết trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc. Muốn có kỹ năng làm việc nhóm tốt, các sinh viên phải hiểu rõ các lý thuyết cơ bản và bản chất quá trình nhóm làm việc, đồng thời các sinh viên phải vận dụng, phải quan sát và trải nghiệm thực tế để tự rút ra các bài học.
- Sinh viên sẽ có thể áp dụng được các kỹ năng làm việc nhóm vào quá trình học tập; thành lập, xây dựng nhóm, phân công công việc hợp lý; xây dựng được quy tắc làm việc chung trong nhóm; biết cách áp dụng các nguyên tắc và các kỹ năng cơ bản trong làm việc nhóm; thực hành được một số kỹ năng làm việc nhóm như: kỹ năng trình bày, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng xử lý mâu thuẫn, kỹ năng tổ chức cuộc họp, kỹ năng lãnh đạo; và duy trì được tinh thần làm việc đồng đội hiệu quả.
- Môn học này phục vụ cho rất nhiều đối tượng: làm việc trong kinh doanh, hành chính, trong nhóm công tác xã hội, làm việc với cộng đồng, Đặc biệt đối với sinh viên, kỹ năng làm việc nhóm sẽ giúp các bạn hòa nhập nhanh chóng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp và thăng tiến sự nghiệp.

11.7 TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG (FUNDAMENTAL PSYCHOLOGY)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Triết học

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Thông qua môn học sinh viên có khả năng nắm được những đặc điểm đặc trưng, cơ chế nảy sinh, hình thành và biểu hiện cụ thể của các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người qua đó biết vận dụng những hiểu biết về tâm lý vào trong giao tiếp ứng xử và trong cuộc sống lao động, học tập.

11.8 NHẬP MÔN KHOA HỌC GIAO TIẾP (INTRODUCTION TO SCIENCE COMMUNICATION)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học bao gồm 9 chương. Qua đó giới thiệu cho sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản về giao tiếp, truyền thông; thế nào là hành vi, nguồn gốc của hành vi. Đồng thời sinh viên nhận thức nhu cầu là động lực giúp con người hành động và tự đánh giá mình. Sinh viên nhận thức được về các yếu tố của truyền thông không lời và truyền thông có lời từ đó biết cách cải tiến truyền thông có lời hiệu quả để tăng cường và phát triển mối quan hệ...

11.9 LUẬT DOANH NGHIỆP (Corporation law)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

- Những nội dung cơ bản về doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về loại hình doanh nghiệp, mô tả cơ bản quy chế pháp lý về từng loại hình doanh nghiệp;

- Trong từng nội dung cụ thể, nội dung của môn học sẽ giúp người học tiếp cận từng vấn đề cụ thể trong việc tổ chức quản trị doanh nghiệp, quy định về quy chế tài chính của doanh nghiệp và quan hệ pháp lý giữa chủ sở hữu với doanh nghiệp, các thành viên công ty với nhau;

- Nội dung môn học còn giúp người học nắm rõ quy chế pháp lý về tổ chức lại doanh nghiệp như chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và chuyển đổi các loại hình doanh nghiệp.

11.10 KINH TẾ VĨ MÔ (MACROECONOMICS)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Toán cao cấp, Kinh tế học vi mô

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học gồm 9 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản phân tích tương tác giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản. Gồm các nội dung cơ bản sau:

- Tính sản lượng quốc gia và thu nhập quốc dân

- Xác định tổng cung, tổng cầu, chính sách tài khoá
- Thị trường tiền tệ và chính sách tiền tệ
- Lạm phát và thất nghiệp
- Nền kinh tế mở
- Tăng trưởng và phát triển kinh tế

11.11 NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN (PRINCIPLES OF ACCOUNTING)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về kế toán như vai trò, chức năng, nhiệm vụ, ... của kế toán; Ngoài ra môn học này còn giúp sinh viên nắm chắc nội dung các phương pháp và nguyên tắc kế toán tạo tiền đề giúp sinh viên tiếp tục nghiên cứu các môn kế toán ngành.

11.12 QUẢN TRỊ HỌC CĂN BẢN (MANAGEMENT THEORIES)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học cung cấp cho người học những nguyên lý và kỹ thuật cần được thực hiện khi con người kết hợp với nhau thành các tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những khía cạnh của môi trường bên trong và bên ngoài của tổ chức và tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Nguyên tắc, hình thức và nguồn thông tin; thông tin trong tổ chức và quản trị thông tin như thế nào? Các mô hình và khái niệm cơ bản được các nhà quản trị trong tổ chức sử dụng để đưa ra các quyết định. Bốn chức năng quản trị cơ bản: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.

11.13 LÝ THUYẾT XÁC SUẤT (PROBABILITY AND STATISTICS)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Toán Cao Cấp

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Bố cục của môn học được chia thành hai phần: Lý thuyết xác suất và Thống kê.

- Phần xác suất trình bày những kiến thức cơ bản và cốt lõi của lý thuyết xác suất mà sinh viên các ngành học đều đòi hỏi. Sinh viên có thể biết được thế nào là một hiện tượng ngẫu nhiên, đối tượng nghiên cứu của nó. Tính được khả năng xảy ra của các hiện tượng đó là bao nhiêu, từ đó có thể vận dụng kết quả để đưa ra các quyết định cần thiết. Cung cấp cho sinh viên một số phân phối xác suất cơ bản để vận dụng vào việc tính xác suất của một biến số ngẫu nhiên và cơ sở để nghiên cứu các chương sau.

- Trong phần kiến thức cơ bản về Thống kê tập trung vào các phần quan trọng như Lý thuyết lấy mẫu, Bài toán ước lượng, và Bài toán Kiểm định giả thuyết. Sinh viên có thể vận dụng vào các môn học trong chuyên ngành Kinh tế như Lý thuyết thống kê, Kinh tế lượng.

11.14 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (Theo giáo trình của Bộ Giáo dục & Đào tạo)

11.15 VĂN HÓA HỌC (CULTURISM)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức, phương pháp học tập, nghiên cứu sau:

- Phương pháp, đối tượng nghiên cứu văn hoá học.
- Khái niệm văn hoá, văn minh, các trào lưu, trường phái văn hoá học.
- Phương pháp ứng dụng văn hoá học trong kinh tế, du lịch.
- Chủ trương, chính sách văn hoá, văn hoá học trong bối cảnh mới.

11.16 XÃ HỘI HỌC (SOCIOLOGY)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Ngoài việc giới thiệu một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học..., môn học còn giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nội dung môn học gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).

11.17 ĐỊA CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI (POLITIC POLICIES IN THE WORLD)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, qua đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.

- Học phần giúp sinh viên bước đầu tiếp cận và đánh giá tầm quan trọng của các khu vực chiến lược trên thế giới, qua đó giúp trang bị những kiến thức giúp người học

hiểu biết nhiều hơn về đời sống quốc tế trong thời kỳ toàn cầu hóa ngày càng phát triển hiện nay.

- Liên hệ chặt chẽ với thực tiễn của đất nước, chọn lọc được những kinh nghiệm phù hợp, chấp nhận những ảnh hưởng tích cực, đề ra những chủ trương, giải pháp để ngăn chặn các tác động tiêu cực là đảm bảo nguyên tắc ưu tiên toàn diện cho lợi ích quốc gia.

11.18 QUAN HỆ QUỐC TẾ (INTERNATIONAL RELATIONS)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học sẽ nghiên cứu về các chủ thể trong quan hệ quốc tế, quyền lực trong quan hệ quốc tế, Hệ thống quốc tế, Công cụ trong quan hệ quốc tế, Công cụ trong quan hệ quốc tế, Hợp tác và hội nhập trong quan hệ quốc tế

11.19 TOÁN CAO CẤP (HIGHER MATHEMATICS)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Phần đầu của môn học trang bị các kiến thức nhập môn về ĐSTT và một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT trong kinh tế, đặc biệt là QHTT. Phần 2 trang bị kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, sơ lược về tích phân bội và phương trình vi phân, các ứng dụng cơ bản của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế.

11.20 MARKETING CĂN BẢN (PRINCIPLES OF MARKETING)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Bao gồm những vấn đề cơ bản của Marketing, gồm 8 chương, xem phần nội dung chi tiết môn học.

11.21 NGUYÊN LÝ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH (Lý thuyết tài chính tiền tệ - ECONOMICS OF MONEY AND FINANCIAL MARKETS)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Kinh tế học căn bản

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Gồm những kiến thức liên quan đến công cụ, kỹ năng, phương pháp tư duy kinh tế ở một số nguyên lý kinh tế cơ bản như: cấu trúc và tổ chức của thị trường tài chính trong và ngoài nước; giải thích phạm trù tài chính, vai trò ngân sách nhà nước; một cách tiếp cận đơn giản với vấn đề lựa chọn tài sản đầu tư (lý thuyết lượng cầu tài sản); khái niệm về sự cân bằng, phân tích cung cầu;

phân tích biến động và cấu trúc rủi ro của lãi suất; hoạt động trên thị trường ngoại hối; chênh lệch thông tin (lựa chọn nghịch và rủi ro đạo đức).....

11.22 GIỚI THIỆU CÁC PHẦN MỀM THỐNG KÊ

❖ **Điều kiện tiên quyết:** KHÔNG

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học thuộc phạm vi kiến thức khoa học cơ bản. Nó cung cấp các kiến thức hết sức cần thiết về việc sử dụng phần mềm để thực hiện các công việc cụ thể trong thống kê. Các kiến thức này hỗ trợ nhiều cho sinh viên tiếp thu các môn học cơ sở và chuyên ngành của mình.

11.23 THỐNG KÊ ỨNG DỤNG (APPLIED STATISTICS)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Toán Cao cấp, Lý thuyết Xác suất

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế – xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp phân tích kinh tế – xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.

11.24 CẤU TRÚC DỮ LIỆU VÀ GIẢI THUẬT (data structure and algorithm)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Tin học cơ sở, Kỹ thuật lập trình

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Tìm hiểu cách thức xây dựng cấu trúc cho bài toán lập trình tìm hiểu về mảng, list, heap, cây ... và cách thức thao tác trên các cấu trúc dữ liệu trên. Đồng thời tìm hiểu các xử lý thuật toán trong tìm kiếm và sắp xếp. Đánh giá và phân tích tốc độ các thuật toán.

11.25 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (RESEARCH METHODOLOGY)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên học xong toán cao cấp, Lý thuyết xác suất và thống kê toán

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn “Phương pháp nghiên cứu khoa học” được giảng dạy với các nội dung chính: nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, và giới thiệu những vấn đề nghiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô. Trong

các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng phương pháp được học như thế nào.

11.26 KINH TẾ LƯỢNG (Ecomometric)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** TCC, LTXS, TKUD

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học này giới thiệu phương pháp sử dụng các mô hình, dữ liệu và các phép phân tích để giúp sinh viên có khả năng hiểu và mô tả được các hiện tượng của kinh tế xã hội nhằm hoạch định các chính sách / chiến lược có cơ sở khoa học rõ ràng. Cụ thể hơn, môn học sẽ giới thiệu những phương pháp chuẩn để ước lượng các quan hệ giữa những yếu tố kinh tế được quan sát và kiểm định các giả thiết về các quan hệ đó.

11.27 KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ (International Economics)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học gồm 7 chương, xem phần nội dung chi tiết môn học.

11.28 DATA VISUALIZATION

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

11.29 CƠ SỞ DỮ LIỆU (DATABASE)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** *Môn học gồm 4 phần:*

- Phần một: Giới thiệu, thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ: giúp cho sinh viên nắm được như thế nào là lược đồ cơ sở dữ liệu quan hệ, vai trò của cơ sở dữ liệu trong hệ thống thông tin, từ khảo sát hiện trạng, phân tích được các yêu cầu, đưa ra các thiết kế luận lý.

- Phần hai: Ngôn ngữ truy vấn dữ liệu có cấu trúc – SQL: cung cấp các cú pháp, phép toán, hàm và dạng truy vấn khai thác thông tin.

- Phần ba: Chuẩn hóa CSDL, giới thiệu các dạng chuẩn, đưa ra các giải pháp để tối ưu hóa cơ sở dữ liệu.

- Phần bốn: Viết phần mềm khai thác CSDL trên C# theo mô hình 3 lớp.

11.30 TOÁN KINH TẾ (MATHEMATICS FOR ECONOMICS)

- **Điều kiện tiên quyết:** : Toán cao cấp

- **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học thuộc phạm vi kiến thức khoa học cơ bản. Nó cung cấp các kiến thức hết sức cần thiết trong việc mô tả các bài toán kinh

tế bằng các mô hình toán học. Các kiến thức này hỗ trợ nhiều cho sinh viên tiếp thu các môn học cơ sở và chuyên ngành của mình.

11.31 DỰ BÁO KINH TẾ

❖ **Điều kiện tiên quyết:** TCC,LTXS, TKUD, KTL

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội bao gồm việc phân tích thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập nhằm lựa chọn phương pháp dự báo phù hợp. Trang bị các phương pháp phân tích, dự báo kinh tế - xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế

11.32 PHÂN TÍCH CHUỖI THỜI GIAN TRONG TÀI CHÍNH

❖ **Điều kiện tiên quyết:** KHÔNG

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Mục tiêu của học phần: (i) Cung cấp các **kiến thức lý thuyết nâng cao** về phân tích chuỗi thời gian; (ii) Cung cấp các kỹ thuật cần thiết để phân tích thực nghiệm các chuỗi thời gian trong tài chính; (iii) Mô hình hóa, ước lượng, kiểm định một số lớp mô hình cụ thể (AR, MA, ARIMA, VAR, ECM, GARCH); (iv) Cung cấp các kỹ thuật dự báo cho chuỗi thời gian ứng dụng trong tài chính.

Sau khi học xong học phần, sinh viên hiểu được các lý thuyết cơ bản, cách mô hình hóa, định dạng, ước lượng, dự báo một hoặc nhiều chuỗi chuỗi thời gian trong tài chính; sử dụng được phần mềm EVIEWS để tính toán.

11.33 THỐNG KÊ BAYES

❖ **Điều kiện tiên quyết:**

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** phân phối có điều kiện, phân phối đồng thời, phân phối lẻ, ước lượng mật độ phi tham số, phân phối tiên nghiệm, phân phối hậu nghiệm, phân phối dự báo, hàm niềm tin, luật Bayes, tính hoán đổi, liên hợp, bán liên hợp, phương pháp Monte Carlo, tạo mẫu theo phương pháp Gibbs, mô hình nhị thức, mô hình Poisson, mô hình chuẩn một chiều, mô hình chuẩn nhiều chiều, phân phối Wishart và Wishart ngược, dữ liệu bị thiếu, hồi quy Bayes, chọn lựa mô hình.

11.34 THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

❖ **Điều kiện tiên quyết:**

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Sinh viên sau khóa học sẽ được trang bị kiến thức về mô hình và cơ chế hoạt động của thị trường chứng khoán và thực tế thị trường chứng khoán tập trung có tổ chức tại Việt Nam. Bên cạnh đó, sinh viên được giới thiệu các kỹ năng quan sát động thái giá cả chứng khoán trên thị trường từ đó hình thành khả năng nhận định thị trường dựa trên phân tích kỹ thuật.

11.35 TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (INTERNATIONAL FINANCE)

❖ **Điều kiện tiên quyết:**

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** The course presents structure, operational mechanism of the international financial markets system, the interrelationships between finance and money such as exchange rate, interest rates, inflation, income and balance of payments and knowledge of the exchange rate risk management, the regime and policy of the exchange rate, international capital flows and international balance of payments. Issues relating to purchasing power parity, interest rate parity and international Fisher effect are also discussed. Moreover, the course provides knowledge of the role, position and influence of international financial on a companies' activities, especially MNCs.

11.36 LEADER SHIP

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Giúp Sinh viên nắm vững và đi sâu vào kiến thức về tâm lý con người, các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý con người, các qui luật tâm lý (thuyết Đức trị, thuyết Pháp trị). Từ đó vận dụng phương pháp Tư duy (bao gồm cả 3 phương pháp: phương pháp phân tích, phương pháp đánh giá, phương pháp suy luận). Đồng thời vẫn phải đảm bảo 3 nguyên lý trong Nghệ thuật lãnh đạo (nguyên lý 1: chân thành, thật tình; nguyên lý 2: tiên trách kỷ mà không có hậu trách nhân; nguyên lý 3: phù hợp với Văn hóa Á Đông). Giải quyết các vấn đề trong nghệ thuật lãnh đạo bằng cách dung hòa các mối quan hệ.

11.37 QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

❖ **Điều kiện tiên quyết:**

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Mục tiêu chung của môn học là tạo cho sinh viên nắm bắt cơ sở lý thuyết để nhận thức và đánh giá các rủi ro có thể xảy ra trong lĩnh vực tài chính và đầu tư tài chính. Môn học cũng dành phần lớn thời lượng để nghiên cứu các rủi ro cũng như đi vào phân tích, đánh giá, đo lường loại rủi ro có thể xảy ra. Đây

là kiến thức nền tảng cơ bản giúp sinh viên có kiến thức tổng hợp và lý luận thực tiễn phục vụ cho quá trình làm việc sau khi ra trường có khả năng vận dụng vào công tác thực tế tại các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính cũng như tại các doanh nghiệp phục vụ cho công tác đầu tư cũng như quản trị rủi ro.

11.38 KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Kinh tế vi mô

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** những kiến thức cơ bản của kinh tế học quốc tế, làm cơ sở lý thuyết cho việc học tập các môn học thuộc lĩnh vực kinh tế-quản lý

11.39 THÔNG KÊ TRONG QUẢN TRỊ KINH DOANH VÀ MARKETING

❖ **Điều kiện tiên quyết:**

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Trang bị cho học viên tiếp cận các phương pháp phân tích dữ liệu trong chuyên ngành Quản Trị - Marketing. Cụ thể, người học sẽ:

- Làm chủ được Stata và SPSS – phần mềm ưu việt phân tích số liệu
- Có kỹ năng tìm kiếm và khai thác số liệu phù hợp cho các nghiên cứu
- Sử dụng được các phương pháp kinh tế lượng hiện đại trong nghiên cứu

11.40 PHÂN TÍCH DỮ LIỆU WEB (Web data analytics)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Cơ sở dữ liệu, Thiết kế và lập trình Web TMĐT, Thương mại điện tử.

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Xu hướng phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông, đặc biệt là thế hệ web 2.0 đã hình thành nên một xu thế kinh doanh, quản lý và giao tiếp xã hội mới. Điều này dẫn đến hành vi của con người cũng thay đổi theo. Chính vì vậy, việc sử dụng và khai thác các website và các công cụ trực tuyến ngày càng hiệu quả. Các giao dịch mua bán, trao đổi thông tin hầu như được người dùng thực hiện trực tuyến trên website và các công cụ trực tuyến đó. Vì vậy, việc quản lý và phân tích dữ liệu từ các giao dịch đó phát sinh thêm nhiều vấn đề phức tạp, đặc biệt là dữ liệu phát sinh liên tục và đa dạng từ nhiều nguồn khác nhau dẫn đến khó quản lý và phân tích để làm thế nào hiểu được khách hàng, phân tích được tình hình kinh doanh của công ty. Phân tích dữ liệu Web sẽ giúp người quản lý giải quyết điều khó khăn đó. Với mục tiêu là thu thập, phân tích, báo cáo những dữ liệu được giao dịch từ các website (gồm cả dữ liệu có cấu trúc và không có cấu trúc), phân tích dữ liệu Web được áp dụng để hỗ trợ đánh

giá tình hình hoạt động cũng như xây dựng chiến lược kinh doanh, quản lý trong ngắn và dài hạn của công ty.

11.41 TOÁN TÀI CHÍNH NÂNG CAO

❖ **Điều kiện tiên quyết:** ECO1001 và MAT1009

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nền vững chắc về toán tài chính. Các nội dung bao gồm giá trị theo thời gian của tiền, lý thuyết danh mục, lý thuyết thị trường vốn, lý thuyết định giá chứng khoán và phái sinh. Nội dung trọng tâm là xây dựng hiểu biết về khái niệm sâu sắc với các giả thuyết, cho thấy cách xây dựng các phương trình và các mối quan hệ.

11.42 ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

❖ **Điều kiện tiên quyết:**

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Định giá là một môn học cổ điển từ khi ra đời các môn học cơ bản về tài chính và cấu trúc tài chính của Merton Miller and Franco Modigliani. Dựa trên mô hình này, chúng ta sẽ phát triển các mô hình phổ biến và hiện đại về định giá tài sản và doanh nghiệp trong các môi trường và điều kiện khác nhau. Đặc biệt môn học sẽ đi sâu vào các mô hình của giáo sư Alfred Rappaport và Joel Stern (Stern Stewart & Co.) với các ứng dụng trong thực tiễn.

11.43 PHÂN TÍCH SỐ LIỆU MẢNG

❖ **Điều kiện tiên quyết:**

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Nội dung môn học gồm 5 chương. Chương I giới thiệu các khái niệm liên quan đến mô hình số liệu mảng và các động lực của mô hình phân tích số liệu mảng. Chương II trình bày các phương pháp ước lượng gộp. Chương III trình bày mô hình tác động ngẫu nhiên, phần mô hình tác động cố định được trình bày trong chương IV. Chương V giới thiệu một số mở rộng của mô hình số liệu mảng dạng cơ bản

11.43. VẬN TRÙ HỌC

❖ **Điều kiện tiên quyết:**

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học thuộc phạm vi kiến thức chuyên ngành. Trang bị cho SV những kiến thức, các áp dụng của bài toán quy hoạch tuyến tính dưới dạng đồ thị, mạng và một số áp dụng trong thực tế.

12. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

12.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Năm sinh	Chức danh KH, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Phạm Hoàng Uyên	1976		TS - 2010	Toán (XSTK)	Lý thuyết xác suất Thống kê Bayes Toán tài chính nâng cao
2	Nguyễn Phúc Sơn	1980		TS-2009	Toán	Hiển thị dữ liệu (Data Visualization) Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính Lập trình thống kê Lý thuyết trò chơi Phân tích dữ liệu Bayes
3	Lê Anh Vũ	1958	PGS - 2006	TS - 1990	Hình học – Tô pô	Toán cao cấp
4	Phạm Văn Chứng	1959		TS -2010		Thống kê ứng dụng Thống kê ứng dụng nâng cao Kinh tế lượng
5	Nguyễn Hồng Nga	1968	PGS	TS	Kinh tế tổ chức và xây dựng	Kinh tế vi mô
6	Hoàng Minh Tuấn			TS	Kinh Tế chính trị	Những nguyên lý căn của Chủ nghĩa Mác – Lê nin
7	Nguyễn Anh Phong			TS	Tài chính ngân hàng	Quản trị rủi ro
8	Nguyễn Thị Lan Anh	1969		TS - 2014	Tài chính	Nguyên lý kế toán
9	Phạm Thế Tri	1953		TS - 2002	Kinh tế, quản lý và kế hoạch hóa kinh	Quản trị học căn bản Marketing căn bản

					tế quốc dân	
10	Lê Hoàng Sử			TS	Hệ Thống thông tin	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải
11	Trần Văn Đức			TS	Kinh tế đối ngoại	Kinh tế quốc tế Kinh tế đối ngoại
12	Mai Thu Phương			ThS	Quản trị kinh doanh	Kĩ năng làm việc nhóm
13	Lê Thanh Hoa	1983		ThS - 2007	Lý thuyết Xác suất và Thống kê Toán	Thống kê ứng dụng Kinh tế lượng
14	Nguyễn Đình Ưông	1979		ThS - 2008	Toán ứng dụng	Toán cao cấp Lý thuyết xác suất Thống kê ứng dụng Kinh tế lượng
15	Võ Thị Lệ Uyên	1980		ThS - 2007	Toán giải tích	Toán cao cấp Lý thuyết xác suất Thống kê ứng dụng Kinh tế lượng Dự báo kinh tế
16	Nguyễn Thị Thu Trang	1981		ThS - 2009	Luật kinh tế	Pháp luật đại cương Luật doanh nghiệp
17	Đào Thị Thu Hằng			ThS	Luật Kinh Tế	Luật doanh nghiệp
18	Hồ Trung Thành			ThS	Hệ thống thông tin	Phân tích dữ liệu web

19	Nguyễn Thị Bình Minh			ThS	Quản trị kinh doanh	Quản trị rủi ro
20	Hoàng Thọ Phú	1971		ThS - 1996	Tài chính	Nguyên lý thị trường tài chính Tài chính quốc tế
21	Đỗ Đức Khả	1965	GVC -2006	ThS -	Quản trị kinh doanh	Quản trị học căn bản
22	Nguyễn Anh Tuấn			ThS	Kinh Tế học	Kinh tế vĩ mô
23	Nguyễn Đình Thiên			ThS	Quản lí công nghiệp	Thị trường chứng khoán
24	Nguyễn Chí Hải		PGS	TS	Kinh tế chính trị	Lịch sử Kinh tế Việt Nam và các nước
25	Nguyễn Thanh Huyền			ThS	Kinh tế	Lập thẩm định dự án đầu tư
26	Nguyễn Duy Nhất			ThS	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin trong kinh doanh

12.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm	Cơ quan công tác hiện tại
1	Lê Tuyết Ánh		GVC.Ths		- Tâm lý học - Nhập môn khoa học giao tiếp	ĐH Khoa học XH & NV
2	Đào Minh Hồng		TS	Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế	ĐH Khoa học XH & NV

3	Trần Nam Tiến		PGS.TS	Quan hệ quốc tế	Địa chính trị thế giới	ĐH Khoa học XH & NV
4	Châu Văn Ninh		ThS	Toán	Phương pháp nghiên cứu khoa học	ĐH Khoa học XH & NV
5	Nguyễn Ngọc Thơ		TS	Xã hội học	Văn hóa học Xã hội học	ĐH Khoa học XH & NV
6	Tạ Minh		TS	Xã hội học		ĐH Khoa học XH & NV
7	Phạm Khánh Bằng		GVC.ThS	Triết học	- Đường lối CM ĐCSVN - Tư tưởng HCM	Học viện hành chính khu vực II
8	Đinh Thị Điều		GVC.ThS	Triết học		Học viện hành chính khu vực II
9	Nguyễn Xuân Dũng		ThS	Quản trị kinh doanh	- Thương mại điện tử - Thanh toán điện tử	Công ty Tư vấn VN (VCG)
10	Nguyễn Tiến Dũng		TS		Mô hình định giá tài sản	Đại học Bách Khoa
12	Nguyễn Lê Hoàng Anh		TS		Tối ưu ứng dụng Toán kinh tế	Đại Học Khoa học tự nhiên
13	Bùi Anh Tuấn		TS		Giới thiệu về máy học	Đại Học Khoa học tự nhiên
14	Hà Văn Thảo		ThS		Phương pháp số và tính toán song song	Đại Học Khoa học tự nhiên

12.3. Khối lượng giảng dạy của Giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng

	Thời lượng	Tỷ lệ
Giảng viên cơ hữu Trường đại học Kinh tế-Luật	97 tín chỉ	74.6%
Giảng viên thỉnh giảng	33 tín chỉ	25.4%
Tổng cộng	130 tín chỉ	100%

12.4. Danh sách một số giảng viên học vị Tiến sĩ và Thạc sĩ tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Văn bằng cao nhất	Ngành đào tạo
1	Phạm Hoàng Uyên	Tiến sĩ	Lý thuyết xác suất
2	Nguyễn Phúc Sơn	Tiến sĩ	Toán ứng dụng
3	Lê Anh Vũ	Tiến sĩ	Hình học - Tô pô
4	Phạm Văn Chững	Tiến sĩ	Toán ứng dụng
5	Nguyễn Hồng Nga	Tiến sĩ	Kinh tế xây dựng
6	Trần Văn Đức	Tiến sĩ	Kinh tế đối ngoại
7	Nguyễn Thị Lan Anh	Tiến sĩ	Kê toán
8	Phạm Thế Tri	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
9	Nguyễn Anh Phong	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
10	Lê Hoàn Sửu	Tiến sĩ	Hệ thống thông tin
11	Lê Thanh Hoa	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
12	Nguyễn Đình Uông	Thạc sĩ	Toán ứng dụng
13	Võ Thị Lệ Uyên	Thạc sĩ	Toán ứng dụng
14	Nguyễn Thị Thu Trang	Thạc sĩ	Luật Kinh Tế
15	Hoàng Thọ Phú	Thạc sĩ	Tài Chính ngân hàng
16	Đỗ Đức Khả	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
17	Mai Thu Phương	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
18	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thạc sĩ	Luật Kinh tế
19	Nguyễn Anh Tuấn	Thạc sĩ	Kinh tế học
20	Nguyễn Thị Bình Minh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
21	Hồ Trung Thành	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin

12.5. Danh sách cố vấn học tập

STT	Cố vấn học tập
1	TS. Phạm Hoàng Uyên
2	TS. Nguyễn Phúc Sơn
3	PGS. TS Lê Anh Vũ
4	TS. Phạm Văn Chững
5	TS. Lê Hồng Nhật
6	ThS. Lê Thanh Hoa (NCS)

7	ThS. Nguyễn Đình Ưông
8	ThS. Võ Thị Lệ Uyên

13. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

13.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị

Đại học Kinh tế - Luật với tổng diện tích đất là 17,12 ha, với tổng diện tích đất sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường là 30,323 m². Để phục vụ đào tạo Chương trình cử nhân chất lượng cao, Trường Đại học Kinh tế - Luật đảm bảo trang bị đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Cụ thể:

Tổng số phòng học chất lượng cao gồm 24 phòng: A401, A402, A501, A604, , A701, A702, A704, A801, A802, A803, A804, A806, A807, A811, A812, A813, A901, A902, B1.501, B1.502, B1.503, B1.504, B1.505, B506 được kết nối internet tốc độ cao với đầy đủ các thiết bị hiện đại như máy lạnh trung tâm Mitsubishi, máy chiếu có độ nét cao, bảng từ, Flipchart, hệ thống âm thanh chuẩn cho giảng dạy và học tập.

13.2. Thư viện

Thư viện trường với cơ sở chính tọa lạc tại nhà điều hành và học tập của Trường (lầu 2 và lầu 8) và cơ sở hai tại số 45 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1.

- Tổng diện tích thư viện: 940 m² trong đó diện tích phòng đọc: 466 m²

- Thư viện điện tử (có/không; đã kết nối được với CSĐT nào trong nước, ngoài nước; Số lượng sách, giáo trình điện tử:

+ Thư viện trường ĐH Kinh tế - Luật: có thư viện điện tử, đã kết nối được với 01 CSDL điện tử ngoài nước (OECD); Số lượng sách, giáo trình điện tử: 54 ebook.

+ Kết nối: Thư viện ĐH Kinh tế - Luật đã kết nối và chia sẻ nguồn lực thông tin với 04 trường Đại học: Đại học Luật Hà Nội, Đại học Luật TP.HCM, Đại học Ngân hàng, Đại học kiểm sát; kết nối với mạng lưới thư viện các trường Đại học ASEAN (AUNILo, link: <https://aunilosec.blog/>).

+ Thư viện trung tâm ĐHQG TP.HCM: có thư viện điện tử, đã kết nối được với 04 CSDL điện tử trong nước (Bộ sưu tập số toàn văn: Sách/Bài giảng/Luận án tất cả

các chủ đề; Toàn văn 13 tạp chí khoa học trong nước từ năm 2007 đến nay; Toàn bộ tài liệu Khoa học & Công nghệ của Cục KH&CN Quốc gia Việt Nam; CSDL Ebook tiếng Việt của Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM bao gồm: sách giáo khoa, giáo trình, từ điển thuộc tất cả các lĩnh vực), đã kết nối được với 18 CSDL điện tử ngoài nước (ACS, ScienceDirect, Springer, JL, MathSciNet, OECD, ProQuest, SpringerOpen, Emerald, IOP science, IGPublishing, IEEE, MIT OCW, Nature, EEWOWW, GALE Cengage Learning, Access Engineering, Access Science); Số lượng sách, giáo trình điện tử: 218 ebook.

❖ Thư viện của Trường Đại học Kinh tế-Luật: được trang bị máy tính kết nối internet

1	Diện tích	m ²	395
2	Số đầu sách	Quyển	926
3	Số đầu sách về Kinh doanh quốc tế	Quyển	168

13.2.1. Giáo trình, tập bài giảng

STT	Tên môn học	Tên giáo trình, Tài liệu TK	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB	Tình trạng
1	Toán cao cấp	Toán cao cấp	Lê Anh Vũ	ĐHQG-	2012	Đã có
2	Lý luận Nhà nước và pháp luật	Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật.	Trường ĐH Luật Hà Nội,		2008	Đã có
3	Ngoại ngữ không chuyên (01)	Intelligent Business – Pre-Intermediate	Barall, I. & Barall,N.	England: Pearson Longman	2006	Đã có
4	Địa lý kinh tế	Địa lý kinh tế Việt Nam	Văn Thái	Thống kê	2003	Đã có
5	Xã hội học	Nhập môn xã hội học	Trần Thị Kim Xuyên (chủ biên)	ĐHQG TP.HCM	2005	Đã có
6	Văn hóa học	Giáo trình Văn hóa học	Nguyễn Thị Thường	ĐH Sư Phạm Tp.HCM		Đã có
7	Lý thuyết xác suất	Giáo trình Lý thuyết xác suất	Phạm Hoàng Uyên	ĐHQG-HCM	2014	Đã có
8	Những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	BGD&ĐT			Đã có
9	Kinh tế học vi mô	Kinh tế học vi mô	Nguyễn Văn Luân	Văn hóa - Thông tin	2005	Đã có

10	Kế toán đại cương	Kế toán đại cương: Nguyên lý kế toán	La Xuân Đào	ĐHQG- HCM		Đã có
11	Ngoại ngữ không chuyên (02)	Intelligent Business – Pre-Intermediate	Barall, I. & Barall, N.	England: Pearson Longman	2006	Đã có
12	Quan hệ quốc tế	Bài giảng Nhập môn Quan hệ quốc tế	Hoàng Khắc Nam	ĐHKHXH & NV, Hà Nội	2006	Đã có
13	Địa chính trị trên thế giới	Bài giảng Địa chính trị trên thế giới	Trần Nam Tiến			Đã có
14	Nguyên lý thị trường tài chính	Giáo trình Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	Lê Văn Tề, Nguyễn Văn Hà	Tài chính	2005	Đã có
15	Kinh tế học vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô	Nguyễn Văn Luân	Thống kê	2004	Đã có
16	Thống kê ứng dụng	Thống kê ứng dụng	Phạm Văn Chững	ĐHQG- HCM	2016	Đã có
17	Quản trị học căn bản	Quản trị học	Phạm Thế Tri	ĐHQG- HCM	2005	Đã có
18	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	BGD&ĐT			Đã có
19	Ngoại ngữ không chuyên (03)	Intelligent Business – Pre-Intermediate	Barall, I. & Barall, N.	England: Pearson Longman	2006	Đã có
20	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp nghiên cứu khoa học	GS.TS. Nguyễn Thị Cảnh	ĐHQG- HCM	2007	Đã có
21	Địa chính trị thế giới	Bài giảng Địa- chính trị thế giới.	TS. Trần Nam Tiến			Đã có
22	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Nguyễn Văn Trình Nguyễn Tiến Dũng Vũ Văn Nghinh	Thế giới	2004	Đã có
23	Marketing căn bản	Marketing căn bản	Quách Thị Bửu Châu	Thống kê	2005	Đã có
24	Kinh tế lượng	Kinh tế lượng	Lê Hồng Nhật	ĐHQG- HCM	2007	Đã có
25	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BGD&ĐT			Đã có
26						
27	Ngoại ngữ chuyên ngành (04)	Intelligent Business – Intermediate	Barall, I. & Barall, N.	England: Pearson Longman	2006	Đã có
28	Luật doanh nghiệp	Luật kinh tế	Phạm Duy Nghĩa	ĐHQG HN	2003	Đã có

29	Tài chính doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Thị Diễm Châu chủ biên;	Thống kê	2003	Đã có
30	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế - Môi trường và hoạt động	John D. Daniesl, Lee H.Radebaugh ; Trương Công Minh, Trần Tuấn Thạc, Trần Thị Tường Như dịch	Tài chính	2004	Đã có
31	Toán kinh tế	Mathematical Economics	Alpha C.Chiang, Kevin Wainwright		2010	Đã có
32	Dự báo kinh tế	Giáo trình dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	Nguyễn Trọng Hoài, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Khánh Duy	Thống Kê	2009	Đã có
33	Kinh tế lượng nâng cao	Kinh tế lượng	Nguyễn Quang Dong		2006	Đã có
34	Toán tài chính	Cơ sở Toán tài chính	Trần Trọng Nguyên	Khoa học và Kỹ thuật		Đã có
35	Quản trị tài chính	Brigham và Houston	<i>Quản trị tài chính</i> – Bản dịch tiếng Việt	Cengage		Đã có
36	Thị trường tài chính	Giáo trình Thị trường chứng khoán: Mô hình hoạt động và cơ chế vận hành	Khoa Tài Chính Ngân Hàng	ĐHQG Tp.HCM		Đã có
37	Tài chính quốc tế	International Corporate Finance	Jeff Madura	Cengage Learning	2010	Đã có
38	Quản trị rủi ro tài chính	Financial Risk Manager Fifth Edition	Philippe Jorion	John Wiley&Son Inc		Chưa có
39	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	Hoàng Vĩnh Long	ĐHQG TP. HCM	2006	Đã có
40	Tối ưu ứng dụng trong kinh tế	Fundamental of Operations Research for Management	S.K.Gupta, J.M. Cozzolino		2012	Chưa có
41	Thống kê Bayes	Bayesian Data Analysis	Andrew Gelman et al		2014	Chưa có
42	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	Nguyễn Quang Dong		2010	Đã có
43	Phân tích dữ liệu web	Web Analytics: An Hour a Day	Avinash Kaushik	Wiley Publishing	2007	Chưa có

44	Toán tài chính nâng cao	An Introduction to Mathematical Finance with Applications	A. O. Petters and X. Dong	Springer, New York, 2016	2006	Chưa có
45	Định giá tài sản	Mô hình định giá và phân tích tài sản	Hoàng Đình Tuấn			Đã có
46	Thống kê Bayes nâng cao	Bayesian Methods: A Social and Behavioral Sciences Approach	Gill, J		2014	Chưa có
47	Lý thuyết trò chơi	Game Theory for Applied Economists	Robert Gibbons		1992	Chưa có
48	Phân tích số liệu mảng	Kinh tế lượng	Vũ Thiều, Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Khắc Minh	Nhà xuất bản khoa học và kỹ	2001	Đã có
49	Phân tích dữ liệu Bayes	Bayesian Data Analysis	Andrew Gelman et al		2014	Chưa có
50	Giới thiệu về học máy	An Introduction to Statistical Learning: with Applications in R	Trevor Hastie et al		2017	Chưa có
51	Cơ sở dữ liệu	Nhập môn Cơ sở dữ liệu	Nguyễn Duy Nhất	ĐHQG-HCM	2009	Đã có

13.2.2. Sách chuyên khảo, tạp chí

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
1	Robustness in Econometrics	Tran, H. D., Nguyen, S. P., Le, H. T., & Pham, U. H. (2017) et al	Springer International Publishing.		Thống kê Bayes Thống kê Bayes nâng cao Phân tích dữ liệu Bayes Cơ sở dữ liệu Lập trình thống kê
2	Tạp chí Đại học Sài	Phạm Hoàng Uyên, Lý Sel, Lê Thanh Hoa	ĐH Sia Gòn	8(33) 10/2015	Thống kê Bayes Thống kê Bayes nâng cao Phân tích dữ liệu Bayes Cơ sở dữ liệu

					Toán tài chính
3	Revista De La Unión Mathematica Argentina	Lê Anh Vũ		1669-9637 (online), 0041-6932 (print)	Cơ sở dữ liệu Toán kinh tế
4	Tạp chí Khoa học trường ĐHSP TPHCM,	Lê Anh Vũ et al	Wiley, 2009	Tập 14, Số 9 (2017)	Cơ sở dữ liệu Toán kinh tế
5	Integrated business process with ERP systems	Simha R. Magal and Jeffrey Word	Wiley, 2012	ISBN : 978- 0-470-46560- 8	Thống kê Bayes Thống kê Bayes nâng cao Phân tích dữ liệu Bayes Cơ sở dữ liệu Lập trình thống kê

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình: Chương trình áp dụng trong giai đoạn 2018 – 2022

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. PHẠM HOÀNG UYÊN

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS NGUYỄN TIẾN DŨNG

PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC MÔN HỌC TÀI NĂNG
NGÀNH TOÁN KINH TẾ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ
1	GEN1108	Phương pháp NCKH	3
2	GEN1109	LeaderShip	3
3	BC 01	Thực tập tốt nghiệp	4
4	KL 01	Khóa luận tốt nghiệp	6
5	MAT1003	Thống kê ứng dụng	3
6	MAT1004	Kinh tế lượng	3
7	ECO1006	Dự báo kinh tế	3
8	MAT1012	Thống kê Bayes	3
9	MAT1022	Thống kê Bayes nâng cao	3
10	MAT1019	Phân tích dữ liệu Bayes	3
11	MAT1017	Toán tài chính nâng cao	3
12	MAT1008	Toán kinh tế	3
13	MAT1025	Seminar	3

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: **THỐNG KÊ ỨNG DỤNG**
- Mã môn học: **TK04**
- Số tín chỉ: **3**
- Thuộc chương trình đào tạo bậc: **Đại học, Cao đẳng**
- Loại môn học: **Bắt buộc**
- Các môn học tiên quyết: **Toán Cao cấp, Lý thuyết Xác suất**
- Môn học đồng thời: **Không**
- Các môn học kế tiếp: **Kinh tế lượng**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - * Nghe giảng lý thuyết: **30 tiết**
 - * Làm bài tập trên lớp: **15 tiết**
 - * Tự học ở nhà: **90 tiết**
 - * Dành cho cử nhân tài năng: **Nghiên cứu khoa học 15 tiết**
- Khoa, bộ môn phụ trách môn học: **Bộ môn Toán Kinh Tế**

2. Mục tiêu của môn học

- Về kiến thức: Trang bị cho người học các phương pháp thống kê căn bản sử dụng trong việc thu thập và phân tích dữ liệu, làm cơ sở để có thể ra các quyết định trong kinh doanh. Giúp người học biết sử dụng các phần mềm trong việc xử lý dữ liệu (Excel, SPSS), hiểu và sử dụng được các kết quả cung cấp từ phần mềm đó.

- Về kỹ năng

* Hiểu được một đề tài nghiên cứu cần phải làm gì.

* Tự thực hiện được hoặc cùng với một nhóm để thực hiện được một đề tài nghiên cứu về Thống kê.

* Biết sử dụng một cách cơ bản các phần mềm thông dụng (SPSS, Excel) trong việc xử lý số liệu.

* Có khả năng nghiên cứu một cách độc lập.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế – xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp phân tích kinh tế – xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.

4. Tài liệu học tập

4.1. Giáo trình chính

- [1]. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, “Thống kê ứng dụng trong Kinh tế - Xã hội”, NXB Lao Động – Xã Hội, 2010.
- [2]. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, “Bài tập và bài giải - Thống kê ứng dụng trong Kinh tế - Xã hội”, NXB Thống Kê, 2009.
- [3]. Douglas C. Montgomery, George C. Runger (2014), Applied Statistics and Probability for Engineers (6th edition), John Wiley & Sons, Inc.

4.2 Giáo trình tham khảo

- [1]. Trần Bá Nhẫn – Đinh Thái Hoàng, “Thống kê ứng dụng trong quản trị, kinh doanh và nghiên cứu kinh tế” , NXB Thống kê, 2006.
- [2]. Excel ứng dụng trong kinh tế - Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright
- [3]. Douglas A. Lind, William G. Marchal, Samuel A. Wathen, Basic Statistics for Business and Economics, Mc Graw Hill, Singapore, 2008.

5. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Nghe giảng trên lớp: Tối thiểu 80% số tiết quy định.
- Làm bài tập.

- Dự đầy đủ các kỳ kiểm tra, đạt kết quả theo qui định của quy chế đào tạo.
- Điểm chuyên cần: 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: 20%
- Kiểm thi cuối kỳ: 60%
- **Dành cho cử nhân tài năng:**
 - o Điểm chuyên cần: 10%
 - o Kiểm tra giữa kỳ: 15%
 - o Kiểm tra cuối kỳ: 50%
 - o Nghiên cứu khoa học: 25%

6. Nội dung chi tiết học phần

NỘI DUNG	Thời lượng	Tài liệu
Chương 1. Thống kê mô tả I. Khái niệm thống kê và các loại thang đo dữ liệu 1.1. Định nghĩa. 1.2. Chức năng của thống kê. ▪ Thống kê mô tả. ▪ Thống kê suy diễn. 1.3. Các khái niệm căn bản. ▪ Tổng thể và đơn vị tổng thể. ▪ Mẫu và đơn vị mẫu. ▪ Dữ liệu định tính – Dữ liệu định lượng. ▪ Tiêu thức thống kê. 1.4. Cấp bậc đo lường và các loại Thang đo dữ liệu. ▪ Thang đo định danh. ▪ Thang đo thứ bậc. ▪ Thang đo khoảng. ▪ Thang đo tỷ lệ. II. Thu thập dữ liệu 2.1 Xác định dữ liệu cần thu thập. ▪ Dữ liệu sơ cấp. ▪ Dữ liệu thứ cấp. 2.2 Nguồn thu thập dữ liệu.	12 tiết	[1], [2], [3]

2.3 Các phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp. 2.4 Các kĩ thuật chọn mẫu. 2.5 Kỹ thuật thiết kế bảng hỏi (Tự đọc) 2.6 Kỹ thuật phỏng vấn (Tự đọc) III. Trình bày dữ liệu bằng bảng và đồ thị 3.1 Đối với dữ liệu định tính. ▪ Bảng tần số, tần suất, tần số tích lũy, tần suất tích lũy. ▪ Biểu đồ hình cột, thanh, hình tròn. 3.2 Đối với dữ liệu định lượng. ▪ Bảng tần số, tần suất, tần số tích lũy, tần suất tích lũy. ▪ Phân tổ dữ liệu. ▪ Biểu đồ thân và lá. ▪ Đồ thị hình cột, thanh, hình tròn. IV. Tóm tắt dữ liệu bằng các đại lượng thống kê mô tả 4.1 Các đặc trưng đo lường khuynh hướng tập trung. ▪ Trung bình cộng. ▪ Trung vị (Median). ▪ Các tứ phân vị - thập phân vị. ▪ Số yếu vị (Mode). 4.2 Các đặc trưng đo lường khuynh hướng phân tán. ▪ Khoảng biến thiên. ▪ Độ trải giữa. ▪ Phương sai. ▪ Độ lệch chuẩn. ▪ Hệ số biến thiên. 4.3 Khảo sát hình dạng phân phối của tập dữ liệu. ▪ Phân phối cân đối. ▪ Phân phối lệch. V. Phân phối xác suất của các đại lượng thống kê trên không gian mẫu (Tự đọc) 5.1 Phân phối xác suất của đại lượng thống kê có phân phối chuẩn. 5.2 Phân phối tiệm cận chuẩn của các đại lượng thống kê. 5.3 Suy diễn thống kê.		
---	--	--

Chương 2. Ước lượng các tham số thống kê 2.1 Khái niệm về ước lượng 2.2 Ước lượng khoảng tin cậy cho trung bình. - Ước lượng trung bình của một tổng thể. - Xác định cỡ mẫu. - Ước lượng sự sai khác trung bình trên hai tổng thể. 2.3 Ước lượng khoảng tin cậy cho tỉ lệ. - Ước lượng tỉ lệ trên một tổng thể. - Xác định cỡ mẫu. - Ước lượng sự sai khác tỉ lệ trên hai tổng thể. 2.4 Ước lượng khoảng tin cậy cho phương sai. - Ước lượng phương sai trên một tổng thể. - Ước lượng tỉ số phương sai trên hai tổng thể.	9 tiết	
Chương 3. Kiểm định giả thiết thống kê 3.1 Bài toán kiểm định. 3.2 Các vấn đề liên quan đến kiểm định. - Đặt giả thuyết. - Mức ý nghĩa. - Các loại sai lầm. - P-value. 3.3 Kiểm định trung bình. - Kiểm định giá trị trung bình trên một tổng thể. - Kiểm định sự sai khác trung bình trên hai tổng thể. 3.4 Kiểm định tỉ lệ. - Kiểm định tỉ lệ trên một tổng thể. - Kiểm định sự sai khác tỉ lệ trên hai tổng thể. 3.5 Kiểm định phương sai. - Kiểm định phương sai trên một tổng thể. - Kiểm định phương sai trên hai tổng thể. 3.6 Phân tích ANOVA - Bài toán phân tích phương sai một yếu tố. - So sánh trung bình tổng thể: kiểm định Turkey.	12 tiết	
Chương 4. Kiểm định phi tham số 4.1 Dẫn nhập. 4.2 Kiểm định dấu.	12 tiết	

4.3 Kiểm định Wilcoxon.		
4.4 Kiểm định Mann-Whitney.		
4.5 Kiểm định Kruskal-Wallis.		
4.6 Kiểm định Chi bình phương.		
Tổng số	45 tiết	

Chương 5. Đồ án môn học (dành cho cử nhân tài năng)

- Thực hành trên dữ liệu kinh doanh (khách hàng, nhân sự, hoạt động,...), dữ liệu tài chính (đầu tư, rủi ro,...) v.v...
 - Triển khai thống kê mô tả trên dữ liệu thực tế: vẽ và giải thích các đồ thị, tính và giải thích các đại lượng số đặc trưng. Rút ra các kết luận sơ khởi từ quan sát.
 - Thống kê suy diễn: ước lượng (điểm, khoảng), kiểm định tham số, kiểm định phi tham số. Nhận xét các điểm mạnh và yếu của các công cụ thống kê suy diễn cổ điển.

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký ghi rõ họ tên)



Phạm Hoàng Uyên

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm...

CB PHỤ TRÁCH LẬP ĐỀ CƯƠNG
(Ký ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

(Chương trình đào tạo tín chỉ, từ Khóa 13 năm học 2013-2014)

1. Thông tin chung về môn học

- | | |
|---|------------------------------------|
| - Tên môn học: | Kinh tế lượng (Ecomometric) |
| - Mã môn học: | |
| - Số tín chỉ: | 3 |
| - Thuộc chương trình đào tạo bậc: | Đại học |
| - Loại môn học: | Bắt buộc |
| - Các môn học tiên quyết: | TCC, LTXS, TKUD |
| - Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: | |
| ▪ Nghe giảng lý thuyết: | 30 tiết |
| ▪ Làm bài tập trên lớp: | 15 tiết |
| ▪ Tự học ở nhà: | 90 tiết |
| ▪ Dành cho cử nhân tài năng: Nghiên cứu khoa học | 15 tiết. |
| - Khoa, bộ môn phụ trách môn học: | Bộ môn Toán Kinh Tế |

2. Mục tiêu của môn học

- Kiến thức:
 - Hiểu được cách sử dụng Lý thuyết thống kê làm nền tảng cho nghiên cứu Kinh tế lượng.
 - Ước lượng một cách chính xác các mối quan hệ kinh tế.
 - Đối chiếu lý thuyết kinh tế với thực tế và kiểm định các giả thuyết liên quan đến các hành vi kinh tế.
 - Xây dựng các mô hình phù hợp với thực tế, phản ánh được bản chất các mối quan hệ kinh tế.
 - Dự báo các hành vi của các biến số kinh tế.
- Kỹ năng:
 - Vận dụng được lý thuyết để ước lượng các mối quan hệ kinh tế, kiểm định các giả thuyết liên quan đến các hành vi kinh tế; Xây dựng các mô hình phù hợp với thực tế, phản ánh được bản chất các mối quan hệ kinh tế; Dự báo các hành vi của các biến số kinh tế.
 - Sử dụng thành thạo máy tính bỏ túi và các phần mềm trên máy tính hỗ trợ việc tính toán trong môn học (Eview, SPSS,...)
- Thái độ học tập: đi học đầy đủ và làm các bài tập về nhà, đảm bảo thời gian tự học ở nhà.
- Có khả năng nghiên cứu một cách độc lập.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học này giới thiệu phương pháp sử dụng các mô hình, dữ liệu và các phép phân tích để giúp sinh viên có khả năng hiểu và mô tả được các hiện tượng của kinh tế xã hội nhằm hoạch định các chính sách / chiến lược có cơ sở khoa học rõ ràng. Cụ thể hơn, môn học sẽ giới thiệu những phương pháp chuẩn để ước lượng các quan hệ giữa những yếu tố kinh tế được quan sát và kiểm định các giả thiết về các quan hệ đó.

4. Tài liệu học tập

4.1 Giáo trình chính

- [1]. Bài giảng Kinh tế lượng - TS. Lê Hồng Nhật- Bộ môn Toán- Thống kê.
- [2]. Bài giảng Kinh tế lượng - PGS.TS Nguyễn Quang Dong - Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
- [3]. Giáo trình Kinh tế lượng – Ramu Ramanathan (Nguyên bản tiếng Anh – Bản dịch tiếng Việt của Fulbright).
- [4]. Douglas C. Montgomery, Elizabeth A. Peck, G. Geoffrey Vining (2012), *Introduction to Linear Regression Analysis (5th edition)*, John Wiley & Sons, Inc., Hoboken, New Jersey.

4.2 Giáo trình tham khảo thêm

- [1]. Giáo trình Kinh tế lượng – Học liệu mở của Fulbright
- [2]. Basic Econometrics- Damonda N.Gujarati.
- [3]. Hướng dẫn thực hành Eviews-Học liệu mở của Fulbright.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Giảng viên thuyết trình, dùng bảng viết kết hợp với dùng máy chiếu.

6. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên đối với sinh viên

Yêu cầu sinh viên hiện diện đầy đủ và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; chuẩn bị bài trước khi lên lớp; trau dồi kỹ năng học nhóm; tuân thủ các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra do giảng viên đưa ra.

Khuyến khích sinh viên rèn luyện kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin tại thư viện và trên Internet, dùng các phần mềm trên máy tính hỗ trợ việc tính toán.

7. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

9. Nội dung chi tiết môn học và phân bổ thời gian cụ thể Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			Tổng
	Lên lớp		Tự học	
	Lý thuyết	Bài tập		
Chương 0. Ôn tập Xác suất thống kê và Nhập môn KTL (3 tiết)	2	1	6	9
1. Ôn tập xác suất & thống kê 1.1. Tổng thể - Mẫu. Trung bình – Phương sai 1.2. Biến ngẫu nhiên và hàm phân phối xác suất 1.3. Hiệp (đồng) phương sai 1.4. Hệ số tương quan				
2. Nhập môn Kinh tế lượng 2.1. Kinh tế lượng là gì? 2.2. Phương pháp luận của Kinh tế lượng				
Chương 1. Hồi quy đơn biến (9 tiết)	2	1	6	9
1. Khái niệm về hồi quy 1.1. Thí dụ mở đầu (Học thuyết Keynes về tiêu dùng) 1.2. Khái niệm về hồi quy 2. Mô hình hồi quy (tuyến tính) đơn biến 2.1. Mô hình cơ bản. Sai số ngẫu nhiên và bản chất của nó				
2.2. Phương pháp bình phương cực tiểu (OLS) 2.3. Đo lường mức độ phù hợp của ước lượng theo phương pháp bình phương cực tiểu 2.4. Bản chất thống kê của mô hình hồi quy đơn biến 2.5. Các giả định về sai số ngẫu nhiên 2.6. Những đặc trưng thống kê của ước lượng bình phương cực tiểu (Định lý Gauss-Markov) 2.7. Khoảng tin cậy và kiểm định giả thiết về các hệ số hồi quy 2.8. Phân tích phần dư	4	2	12	18

Chương 2. Hồi quy đa biến (12 tiết)				
1. Giới thiệu về hồi quy đa biến	2	1	6	9
2. Phương trình hồi quy tổng thể				
3. Các giả định quan trọng của mô hình hồi quy đa biến	2	1	6	9
3.1. Các giả định OLS cho mô hình hồi qui tuyến tính đơn được giải thích trong mô hình hồi qui đa biến				
3.2. Giả định bổ sung của OLS cho mô hình hồi qui đa biến				
4. Ước lượng các hệ số- OLS	2	1	6	9
5. Phân tích ý nghĩa của các hệ số ước lượng trong mô hình hồi quy đa biến				
6. Phương sai và độ lệch chuẩn của các hệ số ước lượng				
7. Lựa chọn mô hình và kiểm định giả thiết	2	1	6	9
7.1. Lựa chọn mô hình				
7.2.1. Hệ số R^2 và $\bar{R}^2$				
7.2.2. Các tiêu chuẩn lựa chọn khác				
7.2. Kiểm định giả thiết				
7.3.1 Kiểm định các hệ số riêng biệt				
7.3.2. Kiểm định tính có ý nghĩa của cả mô hình (trường hợp đặc biệt của kiểm định Wald)				
7.3.3. Các ứng dụng khác của kiểm định Wald				
8. Sai lầm thường gặp trong việc lập mô hình (Specification errors)				

Chương 3. Một số ứng dụng (12 tiết)				
1. Phân tích nhận dạng mô hình – Các dạng hàm mô tả (Functional Forms)	2	1	6	9
1.1. Diễn giải các hệ số hồi qui				
1.2. Các dạng hàm mô tả				
1.3. Sự tác động qua lại (Interaction term) giữa các biến độc lập				
1.4. Biến phân loại (Biến giả - Dummy)	2	1	6	9
1.5. Biến trễ				
1.6. Ví dụ ứng dụng				
2. Sơ lược về mô hình ra quyết định và nghiên cứu thị trường (*)	2	1	6	9
2.1. Sơ lược về mô hình nhị nguyên (Binary choice)				
2.2. Sơ lược về mô hình Ordered Choice. (*)	2	1	6	9
Chương 4. Sự vi phạm giả thiết của mô hình (9 tiết)				
1. Hiện tượng đa cộng tuyến (Multicollinearity)				
1.1. Khái niệm về đa cộng tuyến	2	1	6	9
1.2. Hậu quả của hiện tượng đa cộng tuyến				
1.3. Cách phát hiện và khắc phục				
2. Hiện tượng phương sai không đồng đều (Heteroscedasticity) (*)				
2.1. Khái niệm về phương sai không đồng đều	2	1	6	9
2.2. Hậu quả của hiện tượng phương sai không đồng đều				
2.3. Cách phát hiện và khắc phục				

3. Hiện tượng tự tương quan (Autocorrelation) (*)				
3.1. Khái niệm về tự tương quan				
3.2. Hậu quả của hiện tượng tự tương quan	2	1	6	9
3.3. Cách phát hiện và khắc phục				
Ghi chú: Các nội dung (*) có thể tùy vào tình hình cụ thể để giảm nhẹ, trình bày sơ lược một số vấn đề (phải có sự thống nhất chung của bộ môn).				

Chương 5. Đồ án môn học (dành cho cử nhân tài năng)

- Thực hành trên dữ liệu kinh doanh (khách hàng, nhân sự, hoạt động,...), dữ liệu tài chính (đầu tư, rủi ro,...) v.v...
- Triển khai hồi quy tuyến tính trên các dữ liệu kinh doanh, tài chính thực tế.
- Phân tích phần dư để chẩn đoán giả thuyết mô hình.
- Phát hiện và khắc phục các vi phạm giả thuyết. Khảo sát các phương pháp biến đổi dữ liệu trong việc giảm bớt vi phạm mô hình.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm...

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký ghi rõ họ tên)


Phạm Hoàng Uyên

CB PHỤ TRÁCH LẬP ĐỀ CƯƠNG

(Ký ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin chung về môn học

- | | |
|---|---|
| - Tên môn học: | Dự báo kinh tế |
| - Mã môn học: | |
| - Số tín chỉ: | 3 |
| - Thuộc chương trình đào tạo bậc: | Đại học – dành cho lớp Cử nhân tài năng |
| - Loại môn học: | Bắt buộc |
| - Các môn học tiên quyết: | TCC, LTXS, TKUD, KTL |
| - Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: | |
| ▪ Nghe giảng lý thuyết: | 30 tiết |
| ▪ Làm bài tập trên lớp: | 15 tiết |
| ▪ Tự học ở nhà: | 90 tiết |
| ▪ <i>Dành cho cử nhân tài năng: Nghiên cứu khoa học</i> | <i>15 tiết.</i> |
| - Khoa, bộ môn phụ trách môn học: | Bộ môn Toán Kinh tế |

2. Mục tiêu của môn học

- Kiến thức:
 - Biết các phương pháp dự báo căn bản sử dụng trong việc phân tích dữ liệu và dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội, làm cơ sở để ra quyết định trong kinh doanh.
- Kỹ năng:
 - Vận dụng được lý thuyết để phân tích dữ liệu và dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội
 - Sử dụng thành thạo các phần mềm trên máy tính hỗ trợ việc xử lý dữ liệu (Excel, Eview,...)
- Thái độ học tập: đi học đầy đủ, thảo luận, đặt câu hỏi và làm các bài tập về nhà, đảm bảo thời gian tự học ở nhà, đọc tài liệu trước.
- Có khả năng nghiên cứu một cách độc lập.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội bao gồm việc phân tích thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập nhằm lựa chọn phương pháp dự báo phù hợp. Trang bị các phương pháp phân tích, dự báo kinh tế - xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế

4. Tài liệu học tập

4.1 Giáo trình chính:

- [1]. Giáo trình dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu (2009), Nguyễn Trọng Hoài, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Khánh Duy
- [2]. Bài giảng môn Dự báo trong kinh doanh
- [3]. Wilson và Keating, (2002) “Business forecasting” Boston Burrbridge: McGraw Hill Irwin.
- [4]. Loan Lê (2000) “ Hệ thống dự báo điều khiển kế hoạch ra quyết định” Tp HCM : NXB Thống Kê
- [5]. Đồng Thị Thanh Phương, (2003) “Quản trị sản xuất và dịch vụ” Tp HCM : NXB Thống Kê
- [6]. Vũ Thiều và các tác giả, (1998) “Kinh tế lượng” Hà Nội: NXB Khoa Học Kỹ Thuật.
- [7]. Shearer.P, 1994 “Business forecasting and Planning” New York: Prentice Hall.

4.2 Giáo trình tham khảo thêm:

- [1]. Excel ứng dụng trong kinh tế - Chương trình giảng dạy kinh tế Fullbright

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Giảng viên thuyết trình, dùng bảng viết kết hợp với dùng máy chiếu.

6. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên đối với sinh viên

Yêu cầu sinh viên hiện diện đầy đủ và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; chuẩn bị bài trước khi lên lớp; trau dồi kỹ năng học nhóm; tuân thủ các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra do giảng viên đưa ra.

Khuyến khích sinh viên rèn luyện kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin tại thư viện và trên Internet, dùng các phần mềm trên máy tính hỗ trợ việc tính toán và xử lý số liệu.

7. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Nghe giảng trên lớp: Tối thiểu 80% số tiết quy định.
- Làm bài tập.

- Dự đầy đủ các kỳ kiểm tra, đạt kết quả theo qui định của quy chế đào tạo.
- Điểm chuyên cần: 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: 20%
- Kiểm thi cuối kỳ: 60%
- **Dành cho cử nhân tài năng:**
 - o Điểm chuyên cần: 10%
 - o Kiểm tra giữa kỳ: 15%
 - o Kiểm tra cuối kỳ: 50%
 - o Nghiên cứu khoa học: 25%

9. Nội dung chi tiết môn học và phân bổ thời gian cụ thể

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			Tổng
	Lên lớp		Tự học	
	Lý thuyết	Bài tập		
Chương 1: Tổng quan vai trò của dự báo kinh tế (3 tiết)	2	1	6	9
1.1 Giới thiệu 1.2 Phân loại dự báo 1.3 Phương pháp luận của dự báo định lượng 1.4 Quy trình dự báo 1.5 Dữ liệu dùng để dự báo 1.6 Sai số của dự báo.				
Chương 2: Dự báo bằng phân tích hồi quy tuyến tính (15 tiết)	9	6	30	45
2.1 Hồi quy đơn biến. 2.2 Hồi quy đa biến. 2.3 Các vi phạm giả thuyết và cách khắc phục. 2.4 Dự báo bằng phân tích hồi quy				
Chương 3: Các mô hình dự báo giản đơn (3 tiết)	2	1	6	9
3.1 Phương pháp dự báo thô 3.2 Phương pháp dự báo trung bình 3.3 Phương pháp san mũ				

Chương 4: Dự báo bằng các mô hình xu thế (3 tiết)				
4.1 Tóm lược lý thuyết.	2	1	6	9
4.2 Dự báo bằng hàm xu thế bậc nhất, bậc hai				
4.3 Dự báo bằng hàm tăng trưởng mũ				
Chương 5: Dự báo bằng phương pháp phân tích (6 tiết)	4	2	12	18
5.1 Các thành phần của chuỗi thời gian				
5.2 Dự báo với mô hình nhân				
5.3 Dự báo với mô hình cộng				
5.4 Kiểm định tính mùa vụ				
Chương 6: Các mô hình dự báo theo phương pháp Box – Jenkins (15 tiết)				
6.1 Kinh tế lượng và chuỗi thời gian				
6.2 Giới thiệu tổng quan các mô hình ARIMA				
6.3 Tính dừng				
6.4 Kiểm định tính dừng				
6.5 Các mô hình tự hồi quy				
6.6 Mô hình trung bình di động				
6.7 Mô hình ARMA				
6.8 Mô hình ARIMA				

Chương 5. Đồ án môn học (dành cho cử nhân tài năng)

- Thực hành trên dữ liệu kinh doanh (khách hàng, nhân sự, hoạt động,...), dữ liệu tài chính (đầu tư, rủi ro,...), v.v...
- Dự báo bằng các mô hình thô, mô hình xu thế, mô hình phân tích v.v...
- Kiểm định tính dừng và dự báo bằng mô hình ARIMA trên các dữ liệu thực tế.

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký ghi rõ họ tên)


Phạm Hoàng Uyên

CB PHỤ TRÁCH LẬP ĐỀ CƯƠNG

(Ký ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin chung

- Tên học phần: *THỐNG KÊ BAYES*
 - o Tên tiếng Anh: Bayesian statistics
- Mã học phần:
- Ngày soạn: (25/11/2018) Phiên bản: (version1)
- Thuộc khối kiến thức: (Chuyên ngành)
- Bộ môn – Khoa phụ trách: Toán Kinh Tế
- Giảng viên phụ trách:
- Giảng viên tham gia giảng dạy:
- Số tín chỉ: 4
 - o Số tiết lý thuyết: 45
 - o Số tiết thực hành, thực tập: 15
 - o Số tiết bài tập trên lớp: 0
 - o Số tiết thảo luận: 0
 - o Số tiết làm việc nhóm:
 - o Dành cho Cử nhân tài năng: Nghiên cứu 15 tiết
- Học phần:
 - o Bắt buộc: cho ngành:
 - o Tự chọn: cho ngành: XSTK.
- Điều kiện đăng ký học phần:
 - o Học phần tiên quyết (các học phần SV phải đăng ký học trước và thi đạt): không có
 - o Học phần học trước (các học phần SV phải đăng ký học trước): Lý thuyết thống kê, Xác suất cơ bản
 - o Học phần song hành (SV phải đăng ký học trong cùng học kỳ): không có
 - o Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của SV (nếu có): không có

2. Mục tiêu của học phần

(Trang bị cho SV những kiến thức, kỹ năng, định hướng nghề nghiệp,...)

- Dành cho cử nhân tài năng: Có khả năng nghiên cứu một cách độc lập

3. Tóm tắt nội dung học phần

Tiếng Việt: phân phối có điều kiện, phân phối đồng thời, phân phối lẻ, ước lượng mật độ phi tham số, phân phối tiên nghiệm, phân phối hậu nghiệm, phân phối dự báo, hàm niềm tin, luật Bayes, tính hoán đổi, liên hợp, bán liên hợp, phương pháp Monte Carlo, tạo mẫu theo phương pháp Gibbs, mô hình nhị thức, mô hình Poisson, mô hình

chuẩn một chiều, mô hình chuẩn nhiều chiều, phân phối Wishart và Wishart ngược, dữ liệu bị thiếu, hồi quy Bayes, chọn lựa mô hình.

Tiếng Anh: conditional distribution, joint distribution, marginal distribution, nonparametric density estimation, prior distribution, posterior distribution, predictive distribution, belief function, Bayes's rule, exchangeable, conjugate, semiconjugate, Monte Carlo method, Gibbs sampling, binomial model, Poisson model, univariate normal model, multivariate normal model, Wishart and inverse Wishart distribution, missing data, Bayesian regression, model selection

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1 : Nhắc lại phân phối có điều kiện và ước lượng hàm mật độ phi tham số (5 tiết)

- 1.1 *Các loại phân phối rời rạc và liên tục*
- 1.2 *Phân phối có đồng thời, phân phối lề và phân phối có điều kiện*
- 1.3 *Ước lượng histogram và ước lượng mật độ kernel*

Chương 2 : Giới thiệu về thống kê Bayes và các khái niệm cơ bản (4 tiết)

- 2.1 *Giới thiệu về thống kê Bayes*
- 2.2 *Hàm niềm tin*
- 2.3 *Luật Bayes*
- 2.4 *Tính hoán đổi*

Chương 3 : Suy luận Bayes cho mô hình một tham số (6 tiết)

3.1 *Mô hình nhị thức*

- Tính liên hợp

- Phân phối hậu nghiệm cho tỉ lệ khi phân phối tiên nghiệm đều

- Phân phối hậu nghiệm cho tỉ lệ khi phân phối tiên nghiệm beta

- Phân phối dự báo

3.2 *Mô hình Poisson*

- Phân phối hậu nghiệm cho tỉ lệ khi phân phối tiên nghiệm là gamma

- Phân phối dự báo

Chương 4 : Mô phỏng Monte Carlo (3 tiết)

- 4.1 *Phương pháp Monte Carlo*
- 4.2 *Suy luận hậu nghiệm cho phân phối bất kì*
- 4.3 *Tạo mẫu từ phân phối dự báo*

Chương 5 : Mô hình chuẩn một chiều (6tiết)

- 5.1 *Suy luận cho kỳ vọng khi biết phương sai*
- 5.2 *Suy luận cho phương sai khi biết kì vọng*
- 5.3 *Phân phối đồng thời cho kỳ vọng và phương sai*
- 5.4 *Mô hình chuẩn cho dữ liệu không chuẩn*

Chương 6 : Gibbs sampling (3tiết)

- 6.1 *Phân phối tiên nghiệm bán liên hợp*
- 6.2 *Xấp xỉ rời rạc*

6.3 *Tạo mẫu theo phương pháp Gibbs*

6.4 *Tính chất của phương pháp này*

Chương 7 : Mô hình chuẩn nhiều chiều (9tiết)

- 7.1 *Mật độ chuẩn nhiều chiều*
- 7.2 *Phân phối bán liên hợp cho kì vọng*
- 7.3 *Phân phối Wishart ngược*
- 7.4 *Tạo mẫu Gibbs cho kì vọng và hiệp phương sai*
- 7.5 *Suy đoán cho dữ liệu bị thiếu*

Chương 8 : Hồi quy tuyến tính Bayes (9 tiết)

- 8.1 *Mô hình hồi quy tuyến tính nhiều chiều*
- 8.2 *Ước lượng Bayes cho mô hình hồi quy*
- 8.3 *Lựa chọn mô hình*

5. Đề án môn học dành cho cử nhân tài năng:

Thực hành trên dữ liệu kinh doanh(khách hàng, nhân sự, hoạt động...), dữ liệu tài chính(đầu tư, rủi ro...), v.v...

- Thực hành suy diễn Bayes cơ bản trên dữ liệu kinh doanh, tài chính.
- Thực hành dự báo hậu nghiệm, bao gồm dự báo điểm, dự báo khoảng, dự báo mật độ trên dữ liệu.
- Thực hành lựa chọn mô hình đơn giản, kiểm định giả thuyết trong thống kê Bayes.
- Thực hành mô phỏng trên dữ liệu, làm quen với các thuật toán MCMC.

6. Phương pháp dạy và học

Phương pháp dạy và học cổ điển kết hợp bài giảng điện tử

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

- Bài tập về nhà: 50%
- Bài kiểm tra cuối kỳ: 50%
- **Dành cho cử nhân tài năng:**
 - + Điểm quá trình : 10%
 - + Điểm giữa kì: 15%
 - + Điểm cuối kì: 50%
 - + Điểm nghiên cứu: 25%

8. Giáo Trình:

Sline bài giảng của giáo viên

9. Tài liệu tham khảo

1. Gelman, Andrew, et al. *Bayesian data analysis*. Vol. 2. Boca Raton, FL, USA: Chapman & Hall/CRC, 2014.
2. Bolstad, William M. *Introduction to Bayesian statistics*. John Wiley & Sons, 2013.
3. Congdon Peter, *Bayesian statistical modelling*, John Wiley and Sons, 2001

10. Phần mềm hay công cụ hỗ trợ thực hành:

Sử dụng phần mềm R chạy mô phỏng, làm bài tập.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ...
năm...

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký ghi rõ họ tên)



Phạm Hoàng Uyên

CB PHỤ TRÁCH LẬP ĐỀ CƯƠNG

(Ký ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin về giảng viên:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian, địa điểm làm việc:
- Địa chỉ liên hệ:
- Email:

2. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học (tiếng Việt): THỐNG KÊ BAYES NÂNG CAO
- Tên môn học (tiếng Anh): ADVANCED BAYESIAN STATISTICS
- Mã môn học:
- Số tín chỉ: 3
- Loại môn học (check vào các ô):
 - Bắt buộc: ☐
 - Tự chọn: ☐
 - Đại cương: ☐
 - Cơ sở ngành: ☐
 - Chuyên ngành: ☐
- Các môn học tiên quyết:
- Các yêu cầu đối với môn học (nếu có): Thống kê Bayes
- Số tiết đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết: 30
 - Làm bài tập trên lớp: 15
 - Thực hành, thực tập (ở PTN, nhà máy, thực tập thực tế...):
 - Thảo luận:...tiết
 - Tự học: 45 tiết
 - Dành cho Cử nhân tài năng: Nghiên cứu 15 tiết
- Bộ môn phụ trách môn học:

3. Mục tiêu của môn học

- Mục tiêu chung:
- Mục tiêu cụ thể/ chuẩn đầu ra môn học:
 - Kiến thức:
 - Kỹ năng:
 - Thái độ, chuyên cần:
- Có khả năng nghiên cứu một cách độc lập (dành cho cử nhân tài năng)

4. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

5. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp tối thiểu: 24 tiết
- Làm đầy đủ các bài tập và các bài thực hành.
- Thảo luận: chủ động hỏi và trao đổi các vấn đề thắc mắc.
- Yêu cầu khác: không.

6. Tài liệu học tập

ST T	Tên tài liệu	Tác giả	Năm xuất bản	Giáo trình chính/Tài liệu tham khảo/Khác
1	Bayesian Methods: A Social and Behavioral Sciences Approach	Gill, J	2014	
2	Bayesian Data Analysis	Andrew Gelman et al	2014	
3	Doing Bayesian Data Analysis: A Tutorial with R, JAGS, and Stan	John Kruschke	2014	

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả môn học

- Kiểm tra – đánh giá quá trình: có trọng số 50%, bao gồm:
 - Điểm kiểm tra thường xuyên:..... %.
 - Điểm thảo luận, bài tập, thực hành:.... %.
 - Điểm chuyên cần:20%.
 - Điểm thi giữa kỳ: 30%
 - Khác:%
- Điểm thi kết thúc môn học: có trọng số 50%, bao gồm:
 - Điểm thi thực hành: 50%.
 - Hình thức thi kết thúc môn học (*tự luận/ trắc nghiệm/ vấn đáp, khác*): tự luận.....
- **Dành cho cử nhân tài năng:**
 - + Điểm quá trình : 10%
 - + Điểm giữa kì: 15%
 - + Điểm cuối kì: 50%
 - + Điểm nghiên cứu: 25%

*** Lưu ý: quy định điểm thi kết thúc môn học là bắt buộc và có trọng số không dưới 50% điểm tổng kết môn học.**

8. Thang điểm: theo thang điểm 10.

9. Nội dung chi tiết môn học : Ghi chi tiết đến 3 cấp (phần, chương, Mục)

Nội dung <i>(Ghi chi tiết tên chương và từng bài dạy của mỗi chương)</i>	Tuần thứ	Hình thức tổ chức dạy học					
		Số tiết lên lớp				SV tự nghiên cứu, tự học	
		Lý thuyết	Bài tập	Số tiết SV tự nghiên cứu, tự học	Thực hành,	Số tiết	Tài liệu
Chương 1: CĂN BẢN VỀ THỐNG KÊ BAYES	1-3	6	3			9	
1.1 Ôn tập về thống kê Bayes							
1.2 Phân phối dự báo hậu nghiệm							
1.3 Phân tích độ nhạy: bộ phận và toàn cục							
1.4 Tính ổn định địa phương và toàn cục (robustness)							
1.5 So sánh dữ liệu với phân phối dự báo hậu nghiệm							
1.6 So sánh các mô hình và Kiểm định giả thiết Bayes							
1.6.1 So sánh xác suất hậu nghiệm							
1.6.2 Kiểm chứng chéo							
1.6.3 Các nhân tố Bayes							
1.6.4 AIC, BIC, DIC							

1.6.5 Nhân bản nhân tố Bayes							
1.7 Lý thuyết quyết định Bayes							
Chương 2: MCMC VÀ CÁC CHỦ ĐỀ LIÊN QUAN	4-8	10	5			15	
2.1 Suy luận dựa trên mô phỏng							
2.1.1 Tích phân số cổ điển (numerical integration)							
2.1.2 Chọn mẫu bác bỏ							
2.1.3 Chọn mẫu quan trọng							
2.1.4 Thuật toán cực đại hoá kì vọng (EM algorithm)							
2.1.5 Chuỗi Markov							
2.1.6 Định lý ergodic							
2.2 Chọn mẫu Gibbs và Thuật toán Metropolis-Hastings							
2.2.1 Mẫu Gibbs							
2.2.2 Thuật toán Metropolis-Hastings							
2.2.3 Thuật toán Hit-and-Run							
2.3 Các phương pháp xác định hội tụ							
2.3.1 Đồ thị vết							

2.3.2 Đồ thị trung bình dịch chuyển (running mean plot)							
2.3.3 Mật độ và đồ thị mật độ hậu nghiệm cao nhất (HPD plot)							
2.3.4 Kiểm tra Gelman-Rubin							
2.3.5 Kiểm tra Raftery-Lewis							
2.3.6 Kiểm tra Heidelberg-Welch							
2.4 Phân tích điểm thay đổi Bayes (Bayesian change-point analysis)							
2.5 Các mô hình không gian ẩn động (dynamic latent space models)							
Chương 3: CÁC MÔ HÌNH	9-15	14	7			21	
3.1 Mô hình tuyến tính và mở rộng							
3.1.1 Mô hình tuyến tính Bayes							
3.1.2 Hồi qui mạnh bằng sai số t (robust regression via t-errors)							
3.1.3 Mô hình tobit Bayes							
3.1.4 Chuẩn đoán, so sánh mô hình và dự báo							
3.1.5 Tiên nghiệm liên hợp và không liên hợp							

3.2 Các mô hình cho đầu ra đếm và nhị phân							
3.2.1 Ước lượng Bayes cho các mô hình probit							
3.2.2 Ước lượng Bayes cho các mô hình logit							
3.2.3 Ước lượng Bayes cho các mô hình Poisson và nhị thức âm							
3.2.4 Sự tách được hoàn toàn trong các mô hình dữ liệu nhị phân							
3.2.5 Chuẩn đoán qua thặng dư Bayes							
3.2.6 So sánh các mô hình							
3.2.7 Dự báo							
3.3 Các mô hình chọn rời rạc							
3.3.1 Đầu ra có thứ tự							
3.3.2 Đầu ra không có thứ tự							
3.4 Đầu ra đa biến (multivariate outcomes)							
3.4.1 Mô hình hồi qui hồi độc lập Bayes (Bayesian seemingly unrelated regression): Tiên nghiệm và ước lượng							
3.4.2 Mô hình probit đa biến: nhận dạng và ước lượng							

3.5 Mô hình phân cấp							
3.5.1 Mô hình tuyến tính phân cấp Bayes							
3.5.2 Mô hình probit/logit phân cấp							
3.6 Mô hình Bayes cho dữ liệu dạng bảng và dạng TSCS (time-series-cross-section)							
3.7 Mô hình nhân tố ẩn							
3.8 Mô hình biến công cụ Bayes (Bayesian instrumental variable models)							

10. Đồ án môn học dành cho cử nhân tài năng:

Thực hành trên dữ liệu kinh doanh(khách hàng, nhân sự, hoạt động...), dữ liệu tài chính(đầu tư, rủi ro...), v.v...

- Sử dụng các thuật toán MCMC nâng cao, đánh giá tính hội tụ của thuật toán, suy diễn hậu nghiệm trên phân phối mẫu.
- Sử dụng các mô hình cho biến số định tính với Bayes, **triển khai các thuật toán phân loại v.v...**
- Chuẩn đoán và lựa chọn mô hình Bayes tốt nhất qua các công cụ đánh giá **nâng cao**
- Thực hành mô hình có chứa nhân tố ẩn (latent factors), mô hình phân tầng (**hierachical models**).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm...

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký ghi rõ họ tên)


Phạm Hoàng Uyên

CB PHỤ TRÁCH LẬP ĐỀ CƯƠNG

(Ký ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học (tiếng Việt): PHÂN TÍCH DỮ LIỆU BAYES
- Tên môn học (tiếng Anh): BAYESIAN DATA ANALYSIS
- Mã môn học:
- Số tín chỉ: 2
- Loại môn học (check vào các ô):
 - Bắt buộc: ☐
 - Tự chọn: ☐
 - Đại cương: ☐
 - Cơ sở ngành: ☐
 - Chuyên ngành: ☐
- Các môn học tiên quyết: Kinh tế lượng
- Các yêu cầu đối với môn học (nếu có): Không
- Số tiết đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết: 30
 - Làm bài tập trên lớp:
 - Thực hành, thực tập (ở PTN, nhà máy, thực tập thực tế...):
 - Thảo luận: ...tiết
 - Tự học: 45 tiết
 - Dành cho Cử nhân tài năng: Nghiên cứu 15 tiết
- Bộ môn phụ trách môn học:

2. Mục tiêu của môn học

- Mục tiêu chung:
- Mục tiêu cụ thể/ chuẩn đầu ra môn học:
 - Kiến thức:
 - Kỹ năng:
 - Thái độ, chuyên cần:
 - Có khả năng nghiên cứu một cách độc lập (**dành cho cử nhân tài năng**)

3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

4. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp tối thiểu: 24 tiết
- Làm đầy đủ các bài tập và các bài thực hành.
- Thảo luận: chủ động hỏi và trao đổi các vấn đề thắc mắc.
- Yêu cầu khác: không.

5. Tài liệu học tập

STT	Tên tài liệu	Tác giả	Năm xuất bản	Giáo trình chính/Tài liệu tham khảo/Khác
1	Bayesian Data Analysis	Andrew Gelman et al	2014	
2	Doing Bayesian Data Analysis: A Tutorial with R, JAGS, and Stan	John Kruschke	2014	
3	Statistical Rethinking: A Bayesian Course with Examples in R and Stan	Richard McElreath	2015	Tham khảo

6. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả môn học

- Kiểm tra – đánh giá quá trình: có trọng số 50%, bao gồm:
 - Điểm kiểm tra thường xuyên:..... %.
 - Điểm thảo luận, bài tập, thực hành:.... %.
 - Điểm chuyên cần:20%.
 - Điểm thi giữa kỳ: 30%
 - Khác:%
- Điểm thi kết thúc môn học: có trọng số 50%, bao gồm:
 - Điểm thi thực hành: 50%.
 - Hình thức thi kết thúc môn học (*tự luận/ trắc nghiệm/ vấn đáp, khác*): tự luận.....
- **Dành cho cử nhân tài năng:**
 - + Điểm quá trình : 10%
 - + Điểm giữa kì: 15%
 - + Điểm cuối kì: 50%
 - + Điểm nghiên cứu: 25%

** Lưu ý: quy định điểm thi kết thúc môn học là bắt buộc và có trọng số không dưới 50% điểm tổng kết môn học.*

7. **Thang điểm:** theo thang điểm 10.

8. **Nội dung chi tiết môn học :** Ghi chi tiết đến 3 cấp (phần, chương, Mục)

Nội dung <i>(Ghi chi tiết tên chương và từng bài dạy của mỗi chương)</i>	Tuần thứ	Hình thức tổ chức dạy học					
		Số tiết lên lớp				SV tự nghiên cứu, tự học	
		Lý thuyết	Bài tập	Số tiết SV tự nghiên cứu, tự học	Thực hành, thí nghiệm, thực tập	Số tiết	Tài liệu
Chương 1: GIỚI THIỆU VỀ PHẦN MỀM STAN	1	3	0			3	
1.1 Giới thiệu và cài đặt							
1.2 Thao tác căn bản							
Chương 1: SUY DIỄN BAYES VÀ PHƯƠNG PHÁP MCMC	2 - 6	10	5			15	
1.1 Suy diễn Bayes							
1.2 Chuỗi Markov Monte Carlo (MCMC)							
1.3 Tính toán Bayes với MCMC							
1.4 Áp dụng với Stan							
1.5 Quy trình Bayes							
Chương 2: CÁC MÔ HÌNH TUYẾN TÍNH VÀ TUYẾN TÍNH MỞ RỘNG	7-10	9	3			12	
2.1 Hồi quy Bayes							
2.2 Các mô hình tuyến tính tổng quát trong Stan							

2.2.1 Hồi quy logistic							
2.2.2 Hồi quy Poisson							
2.3 Chuẩn đoán mô hình không phù hợp							
2.4 Big data							
2.5 Tổng quát hóa từ mẫu tới tổng thể							

9. Đồ án môn học dành cho cử nhân tài năng:

Thực hành trên dữ liệu kinh doanh(khách hàng, nhân sự hoạt động), dữ liệu tài chính(đầu tư, rủi ro...), v.v...

- Sử dụng ngôn ngữ Stan để triển khai các thuật toán MCMC trong suy diễn Bayes.
- Triển khai thống kê Bayes trên dữ liệu với các mô hình hồi quy đơn giản, mô hình hồi quy với biến định lượng.
- Thực hành trên dữ liệu lớn, làm quen với điện toán đám mây.

TRƯỞNG BỘMÔN

(Ký ghi rõ họ tên)



Phạm Hoàng Nguyên

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm...

CB PHỤ TRÁCH LẬP ĐỀ CƯƠNG

(Ký ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học (tiếng Việt): TOÁN KINH TẾ
- Tên môn học (tiếng Anh): MATHEMATICS FOR ECONOMICS
- Mã môn học:
- Số tín chỉ: 3
- Loại môn học (check vào các ô):
 - Bắt buộc: ☐
 - Tự chọn: ☐
 - Đại cương: ☐
 - Cơ sở ngành: ☐
 - Chuyên ngành: ☐
- Các môn học tiên quyết: Toán cao cấp
- Các yêu cầu đối với môn học (nếu có): Không
- Số tiết đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết: 45
 - Làm bài tập trên lớp:
 - Thực hành, thực tập (ở PTN, nhà máy, thực tập thực tế...):
 - Thảo luận: ... tiết
 - Tự học: 45 tiết
 - **Dành cho Cử nhân tài năng:** Nghiên cứu 15 tiết
- Bộ môn phụ trách môn học:

2. Mục tiêu của môn học

- Mục tiêu chung: Môn học nhằm xây dựng các kỹ năng cần thiết về giải quyết vấn đề và đưa ra quyết sách trong các tình huống kinh tế bằng các mô hình và kỹ thuật toán học. Môn học tập trung vào các chủ đề chính: mô hình hàm số, các kỹ thuật giải phương trình, vi phân và tích phân, tăng trưởng hàm mũ, đạo hàm riêng và các ứng dụng của chúng trong các bài toán kinh tế.
- Mục tiêu cụ thể/ chuẩn đầu ra môn học:
 - Kiến thức:
 - Kỹ năng:
 - Thái độ, chuyên cần:
- Có khả năng nghiên cứu một cách độc lập (dành cho cử nhân tài năng)

3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Môn học thuộc phạm vi kiến thức khoa học cơ bản. Nó cung cấp các kiến thức hết sức cần thiết trong việc mô tả các bài toán kinh tế bằng các mô hình toán học. Các kiến thức này hỗ trợ nhiều cho sinh viên tiếp thu các môn học cơ sở và chuyên ngành của mình.

4. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp tối thiểu: 36 tiết
- Làm đầy đủ các bài tập và các bài thực hành.
- Thảo luận: chủ động hỏi và trao đổi các vấn đề thắc mắc.
- Yêu cầu khác: không.

5. Tài liệu học tập

ST T	Tên tài liệu	Tác giả	Năm xuất bản	Giáo trình chính/Tài liệu tham khảo/Khác
1	Introduction to Operations Research	Frederick S Hillier, Gerald J. Lieberman	1967	
2	Fundamental methods of mathematical economics	Alpha Chiang	2004	
3	Essential Calculus: Early Transcendentals	Stewart		Tham khảo

6. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả môn học

- Kiểm tra – đánh giá quá trình: có trọng số 50%, bao gồm:
 - Điểm kiểm tra thường xuyên:..... %.
 - Điểm thảo luận, bài tập, thực hành:.... %.
 - Điểm chuyên cần:20%.
 - Điểm thi giữa kỳ: 30%
- Điểm thi kết thúc môn học: có trọng số 50%, bao gồm:
 - Điểm thi thực hành: 50%.
 - Hình thức thi kết thúc môn học (*tự luận/ trắc nghiệm/ vấn đáp, khác*): tự luận.....
- **Dành cho cử nhân tài năng:**
 - + Điểm quá trình : 10%
 - + Điểm giữa kì: 15%
 - + Điểm cuối kì: 50%
 - + Điểm nghiên cứu: 25%

*** Lưu ý:** quy định điểm thi kết thúc môn học là bắt buộc và có trọng số không dưới 50% điểm tổng kết môn học.

7. Thang điểm: theo thang điểm 10.

8. Nội dung chi tiết môn học : Ghi chi tiết đến 3 cấp (phần, chương, Mục)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học
----------	---------------------------

(Ghi chi tiết tên chương và từng bài dạy của mỗi chương)	Tuần thứ	Số tiết lên lớp				SV tự nghiên cứu, tự học	
		Lý thuyết	Bài tập	Số tiết SV tự nghiên cứu, tự học	Thực hành, thí nghiệm, thực tập	Số tiết	Tài liệu
Chương 1: GIỚI THIỆU	1 - 2	5	1			6	
1.1 Các khái niệm							
1.2 Cấu trúc và mô hình							
1.3 Phân loại các mô hình							
Chương 2: MÔ HÌNH QUY HOẠCH TUYẾN TÍNH	3-7	10	5			15	
2.1 Mô hình quy hoạch tuyến tính							
2.2 Phương pháp đơn hình							
2.3 Quy hoạch tuyến tính trong điều kiện không chắc chắn							
2.4 Các phương pháp khác trong quy hoạch tuyến tính							
2.4.1 Phương pháp đơn hình kép							
2.4.2 Quy hoạch tuyến tính tham số							
2.4.3 Kỹ thuật chặn trên							
2.4.4 Thuật toán điểm trong (interior-point)							

Chương 3: PHÂN TÍCH SO SÁNH TĨNH	8-11	10	2			9	
3.1 So sánh tĩnh và khái niệm đạo hàm							
3.2 Bản chất của so sánh tĩnh							
3.3 Các ứng dụng của phân tích so sánh tĩnh							
3.3.1 Mô hình thị trường							
3.3.2 Mô hình thu nhập quốc dân							
3.3.3 Mô hình Input-Output							
3.4 Định thức Jacobi							
3.5 So sánh tĩnh và mô hình chức năng tổng (general function)							
3.6 Hạn chế của so sánh tĩnh							
CHƯƠNG 4: CÁC BÀI TOÁN TỐI ƯU	12-15	9	3			12	
4.1 Đạo hàm và cực trị							
4.1.1 Điều kiện cho tối ưu hóa lợi nhuận. Hệ số của hàm chi phí tổng dạng lập phương							
4.1.2 Doanh thu cận biên với hệ số góc dương							
4.2 Trường hợp có nhiều hơn một biến chọn							
4.2.1 Điều kiện bậc 2 đối với tính lồi, lõm							
4.2.2 Các ứng dụng trong kinh tế							

4.2.3 Phương diện so sánh tính của bài toán tối ưu							
4.3 Tối ưu hóa với các đẳng thức ràng buộc							
4.3.1 Giả lồi và giả lõm							
4.3.2 Tối ưu hóa hiệu dụng và nhu cầu người tiêu dùng							
4.3.3 Tổ hợp đầu vào dựa trên chi phí thấp nhất							
4.4 Các chủ đề khác trong tối ưu							
4.4.1 Tối ưu phi tuyến và điều kiện Kuhn-Tucker							
4.4.2 Thẩm định (qualification) ràng buộc							
4.4.3 Định lý về sự đầy đủ trong quy hoạch phi tuyến							
4.4.4 Hàm giá trị cực đại và định lý bao (envelope)							

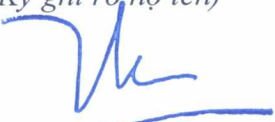
9. Đồ án môn học dành cho cử nhân tài năng:

Thực hành trên dữ liệu kinh doanh(khách hàng, nhân sự, hoạt động...), dữ liệu tài chính(đầu tư, rủi ro...), v.v...

- Mô hình hóa toán học cho các bài toán kinh doanh, tài chính trong thực tế.
- Dùng quy hoạch tuyến tính và các phương pháp toán tối ưu để tìm lời giải tốt nhất cho bài toán kinh doanh
- Phân tích độ nhạy của lời giải và đề xuất giải pháp thực thi.

TRƯỞNG BỘMÔN

(Ký ghi rõ họ tên)


Phạm Hoàng Uyên

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm...

CB PHỤ TRÁCH LẬP ĐỀ CƯƠNG

(Ký ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. **Tên môn học (mã số):** Toán tài chính nâng cao

Tên Tiếng Anh: Mathematical Finance II

2. **Thời lượng:** 4 (3,1)

Số tiết đối với các hoạt động:

- Nghe giảng lý thuyết: 45
- Làm bài tập trên lớp:
- Thực hành, thực tập (ở PTN, nhà máy, thực tập thực tế...):
- Thảo luận:...tiết
- Tự học: 45 tiết
- **Dành cho Cử nhân tài năng:** Nghiên cứu 15 tiết

3. **Bộ môn phụ trách giảng dạy:** BM Toán

4. **Điều kiện tiên quyết:** ECO1001, MAT1009

5. **Mục tiêu môn học:** Môn học nhằm giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về toán tài chính bao gồm lý thuyết định giá chứng khoán, phái sinh và lý thuyết về danh mục đầu tư.

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nền vững chắc về toán tài chính. Các nội dung bao gồm giá trị theo thời gian của tiền, lý thuyết danh mục, lý thuyết thị trường vốn, lý thuyết định giá chứng khoán và phái sinh. Nội dung trọng tâm là xây dựng hiểu biết về khái niệm sâu sắc với các giả thuyết, cho thấy cách xây dựng các phương trình và các mối quan hệ.

Chương	Nội dung	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Bài tập
1	Lý thuyết danh mục đầu tư Mô hình danh mục Markowitz	9	0	3

	Mô hình hai chứng khoán Mô hình nhiều chứng khoán Lợi ích nhà đầu tư Đa dạng hóa và phân phối Dirichlet đều			
2	Lý thuyết thị trường vốn và rủi ro danh mục Đường thị trường vốn Định lý CAPM Đường chứng khoán Tỉ lệ Sharpe Tỉ lệ Sortino VaR	6	0	2
3	Mô hình giá trị tương lai của các chứng khoán rủi ro Cây nhị phân Giới hạn thời gian liên tục của cây CRR Quá trình ngẫu nhiên, chuyển động Brown và chuyển động Brown hình học Công thức Ito	9	0	3
4	Hợp đồng tương lai và quyền chọn Không arbitrage và luật một giá Hợp đồng tương lai Loại quyền chọn và chi trả Put-Call Parity for European options Put-Call Parity bounds for American	9	0	3

	options			
5	Mô hình Black-Scholes-Merton Công thức Black-Scholes-Merton (BSM) Cách tiếp cận dùng PDE cho BSM Cách tiếp cận thời gian liên tục, rủi ro trung tính cho công thức BSM Cách tiếp cận cây nhị phân cho công thức BSM. Delta hedging Implied volatility	9	0	3
TỔNG SỐ		45	0	15

6. Đồ án môn học dành cho cử nhân tài năng:

Thực hành trên dữ liệu kinh doanh(khách hàng, nhân sự, hoạt động...), dữ liệu tài chính(đầu tư, rủi ro...), v.v...

- Thu thập dữ liệu của thị trường chứng khoán (thế giới hay Việt Nam).
- Xây dựng một số danh mục đầu tư **chứng khoán**.
- Đánh giá rủi ro của các danh mục đầu tư vừa xây dựng.
- Lựa chọn danh mục đầu tư tối ưu.
- Thực hành làm quen với các sản phẩm tài chính phái sinh.

7. Tài liệu tham khảo (tài liệu đầu tiên là giáo trình chính)

1. M. Capiński and T. Zastawniak, Mathematics for Finance (Springer, London, 2003)
2. J. Hull, Options, Futures, and Other Derivatives (Pearson Prentice Hall, Upper Saddle River, 2015)
3. R. McDonald, Derivative Markets, Second Edition (Addison-Wesley, Boston, 2006)
4. S. Roman, Introduction to the Mathematics of Finance (Springer, New York, 2004)
5. S. Ross, An Elementary Introduction to Mathematical Finance, Third Edition (Cambridge U. Press, Cambridge, 2011)
6. P. Wilmott, S. Hawison, and J. Dewynne, The Mathematics of Financial Derivatives (Cambridge U. Press, Cambridge, 1995)

Trang thiết bị dạy học cần thiết: Môn học sử dụng các trang thiết bị thông thường trong giảng dạy gồm: máy chiếu (projector), máy tính trang bị các phần mềm thông dụng

8. Thang điểm: 100

9. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra – đánh giá quá trình: có trọng số 50%, bao gồm:
 - Điểm kiểm tra thường xuyên:..... %.
 - Điểm thảo luận, bài tập, thực hành:.... %.
 - Điểm chuyên cần:20%.
 - Điểm thi giữa kỳ: 30%
- Điểm thi kết thúc môn học: có trọng số 50%, bao gồm:
 - Điểm thi thực hành: 50%.
 - Hình thức thi kết thúc môn học (*tự luận/ trắc nghiệm/ vấn đáp, khác*): tự luận.....
- **Dành cho cử nhân tài năng:**
 - + Điểm quá trình : 10%
 - + Điểm giữa kì: 15%
 - + Điểm cuối kì: 50%
 - + Điểm nghiên cứu: 25%

10. Kế hoạch tư vấn, giúp đỡ học viên:

- Hướng dẫn sinh viên làm nhiều bài tập ở nhà trước khi chữa bài trên lớp, Chấm điểm bài tập ở nhà và kết quả lên bảng trình bày. Hướng dẫn cách đọc sách hiệu quả, gợi mở và tiếp cận những vấn đề khó của môn học bằng những ví dụ dễ hiểu, có tính thực tế.
- Tổ chức thảo luận và tư vấn do giảng viên quản lý.
- Làm các bài tập nhỏ (quiz) tại lớp (lấy điểm) và sửa các bài tập này tại lớp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm...

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký ghi rõ họ tên)


Phạm Hoàng Uyên

CB PHỤ TRÁCH LẬP ĐỀ CƯƠNG

(Ký ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học (tiếng Việt): SEMINAR
- Tên môn học (tiếng Anh): SEMINAR
- Mã môn học:
- Số tín chỉ: 3
- Loại môn học (check vào các ô):
 - Bắt buộc: ☐
 - Tự chọn: ☐
 - Đại cương: ☐
 - Cơ sở ngành: ☐
 - Chuyên ngành: ☐
- Các môn học tiên quyết:
- Các yêu cầu đối với môn học (nếu có): Thống kê Bayes, Toán tài chính, Kinh tế lượng
- Số tiết đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết:
 - Làm bài tập trên lớp:
 - Thực hành, thực tập (ở PTN, nhà máy, thực tập thực tế...):
 - Thảo luận: ... tiết
 - Tự học:
 - Dành cho Cử nhân tài năng: bắt buộc
- Bộ môn phụ trách môn học:

2. Mục tiêu của môn học

- Mục tiêu chung:
- Mục tiêu cụ thể/ chuẩn đầu ra môn học:
 - Kiến thức:
 - Kỹ năng:
 - Thái độ, chuyên cần:
- Có khả năng nghiên cứu một cách độc lập (dành cho cử nhân tài năng)

3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

4. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp tối thiểu: 24 tiết
- Làm đầy đủ các bài tập và các bài thực hành.
- Thảo luận: chủ động hỏi và trao đổi các vấn đề thắc mắc.
- Yêu cầu khác: không.

5. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả môn học

- Viết báo cáo + thuyết trình sản phẩm

6. Thang điểm: theo thang điểm 10.

7. Nội dung chi tiết môn học : Ghi chi tiết đến 3 cấp (phần, chương, Mục)

8. Đồ án môn học dành cho cử nhân tài năng:

Thực hành trên dữ liệu kinh doanh(khách hàng, nhân sự, hoạt động...), dữ liệu tài chính (đầu tư, rủi ro...), v.v...

- Các chủ đề mang tính ứng dụng thực tế thay đổi theo năm
- Giảng viên của bộ môn sẽ kết hợp với giảng viên đến từ các doanh nghiệp triển khai các chủ đề thiết thực theo yêu cầu của doanh nghiệp
- Sinh viên có thể kết hợp môn này với các công việc đã thực hiện trong các kỳ thực tập ở doanh nghiệp.

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký ghi rõ họ tên)



Phạm Hoàng Uyên

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm...

CB PHỤ TRÁCH LẬP ĐỀ CƯƠNG

(Ký ghi rõ họ tên)

TÂM LÝ VÀ NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO (PSYCHOLOGY OF LEADERSHIP)

1. Thông tin chung:

- **Tên môn học:** TÂM LÝ VÀ NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO

- **Mã số môn học:**

- **Số tín chỉ:** 03 TC (45tiết)

- **Trình độ:** Sinh viên sau khi đã học các môn chuyên môn

- **Phân bổ thời gian**

+ Lý thuyết: 9 tiết

+ Thảo luận: 12 tiết

+ Thuyết trình và phản biện: 24 tiết

2. Điều kiện đăng ký môn học:

- **Môn học tiên quyết:** Muốn học môn này, Sinh viên ít nhất phải tích lũy được các môn về Quản trị.

- **Môn học song hành:** Văn hóa doanh nghiệp

3. Mục tiêu của môn học:

Hiểu được **tâm lý con người** để có thể vận dụng kiến thức về các kỹ năng của nhà lãnh đạo vào trong việc **xử lý các tình huống** thực tế bằng phương pháp tư duy khoa học, nhằm đạt được **hiệu quả** trong quản lý, nhằm **đồng hòa** các mối quan hệ.

1.1.1 Kiến thức chung trong các lĩnh vực Khoa học tự nhiên, Xã hội và nhân văn, Khoa học hành vi, Khoa học pháp lý, và Tâm lý kinh doanh;

- 1.3.1 Kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Kinh tế và Quản lý;
- 1.4.1 Kiến thức cơ sở ngành Quản trị kinh doanh thông qua các môn học: Kinh tế học, Quản trị học, Marketing căn bản;
- 1.5.3 Kiến thức về tâm lý hành vi cá nhân, tổ chức;
- 1.5.4 Kiến thức về năng lực và nghệ thuật lãnh đạo;
- 2.1.1 Phát hiện, hình thành được các vấn đề trong thực tiễn kinh doanh;
- 2.1.3 Kỹ năng phân tích định tính vấn đề;
- 2.1.6 Kỹ năng giải quyết vấn đề;
- 2.1.7 Khả năng đề xuất giải pháp và kiến nghị.
- 2.2.6 Kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin.
- 2.3.1 Tư duy logic;
- 2.3.5 Tư duy phân tích đa chiều.
- 2.4.4 Tự tin, khả năng làm việc độc lập;
- 3.1.1 Kỹ năng thành lập nhóm làm việc hiệu quả;
- 3.2.5 Kỹ năng thuyết trình;
- 4.1.1 Vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị;
- 4.2.4 Làm việc thành công ở các tổ chức kinh doanh trong nước và quốc tế.
- 4.5.2 Lựa chọn nguồn lực để thực hiện dự án;

4. Mô tả môn học:

Giúp Sinh viên nắm vững và đi sâu vào kiến thức về **tâm lý** con người, các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý con người, các qui luật tâm lý (thuyết Đức trị, thuyết Pháp trị). Từ đó vận dụng phương pháp Tư duy (bao gồm cả 3 phương pháp: phương pháp phân tích, phương pháp đánh giá, phương pháp suy luận). Đồng thời vẫn phải đảm bảo 3 nguyên lý trong Nghệ thuật lãnh đạo (nguyên lý 1: chân thành, thật tình; nguyên lý 2: tiên trách kỷ mà không có hậu trách nhân; nguyên lý 3: phù hợp với Văn hóa Á Đông). Giải quyết các vấn đề trong nghệ thuật lãnh đạo bằng cách **dung hòa** các mối quan hệ.

5. Chuẩn đầu ra của môn học:

+ **Áp dụng** Phương pháp tư duy trong môn học để xử lý các tình huống cụ thể trong cuộc sống cũng như trong các hoạt động của người lãnh đạo.

+ **Kết hợp** Phân tích, Đánh giá, Phán đoán các vấn đề liên quan đến tình huống để làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp dung hòa các mối quan hệ trong Nghệ thuật lãnh đạo.

+ **Giải thích** được mối liên hệ giữa người lãnh đạo với cấp trên, ngang cấp, cấp dưới.

+ **Thiết kế** được các chức năng của nhà quản trị, từ đó thực hiện các kỹ năng của người lãnh đạo.

-Kỹ năng:

+ **Xử lý tình huống** một cách khoa học đáp ứng tính nghệ thuật của môn học, đảm bảo tính logic của vấn đề.

+ **Phát triển kỹ năng** lập luận, thuyết trình trước công chúng một cách tự tin.

-Thái độ nghề nghiệp:

+ **Cảm thụ** được vai trò, vị trí của người lãnh đạo trong thực tiễn nghề nghiệp.

+ **Có ý thức** đúng đắn trong nhìn nhận, đánh giá, suy luận để từ đó có giải pháp hợp lý giải quyết vấn đề.

6. Nhiệm vụ của Sinh viên:

- Dự lớp đầy đủ.

- Bài tập tình huống.

- Thuyết trình và Phản biện.

+ **Thuyết trình:** Các Sinh viên phân thành nhóm thuyết trình, tự chọn nhân vật mà mình thích thú để thực hành phân tích **Tâm lý lãnh đạo** của nhân vật đó.

+ **Phản biện:** với vai trò là Ban giám khảo, nhóm sinh viên sẽ phân công nhận xét đánh giá bài thuyết trình của nhóm bạn mình.

7. Tài liệu học tập

- Dale Carnegie - *Đắc nhân tâm, Bí quyết để thành công* – Nguyễn Hiến Lê dịch – Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.

- Dale Carnegie - *Quảng gánh lo đi mà vui sống* – Nguyễn Hiến Lê dịch – Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.
- Dorothy Carnegie - *Luyện tinh thần* – Nguyễn Hiến Lê dịch – Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.
- Nguyễn Hiến Lê – *Tương lai trong tay ta* - Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.
- Nguyễn Hiến Lê – *7 bước đến thành công* - Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.
- Hoàng gia Media Group - *Chìa khóa thành công* - Nhà xuất bản Lao động Xã hội.
- Lê Anh Cường, Nguyễn Thị Lệ Huyền – *Nghệ thuật và phương pháp lãnh đạo doanh nghiệp* – Nhà xuất bản Lao động Xã hội 2004.
- Nguyễn Hữu Lam – *Nghệ thuật lãnh đạo* - Nhà xuất bản Giáo dục.
- Lê Anh Cường, Nguyễn Kim Chi – *Lãnh đạo doanh nghiệp, những bí quyết nhỏ làm nên thành công lớn* – Nhà xuất bản Lao động Xã hội 2005.
- Joe Johnson – *Thuật lãnh đạo nhóm, dẫn dắt nhóm đến thành công* – Nhà xuất bản trẻ.

8. Phương pháp giảng dạy và học tập:

Môn học này được tiến hành bằng cách kết hợp các vấn đề lý thuyết cốt lõi mà giảng viên hướng dẫn trên lớp với nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm, hội thảo, học tập bằng cách giải quyết vấn đề...

Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, các cuộc hội thảo (thuyết trình, phản biện) theo chủ đề là Tâm lý của nhà lãnh đạo được thể hiện qua 3 kỹ năng (Phong cách, Quyền hạn, Động viên).

Từng kỹ năng của nhà lãnh đạo sẽ được các nhóm trình bày ứng với nhân vật cụ thể trong thực tế; phân tích Tâm lý lãnh đạo khi thực hiện từng kỹ năng cụ thể. Các học viên được khuyến khích tìm hiểu về lý thuyết, kinh nghiệm thực tiễn, được tạo cơ hội học hỏi chia sẻ kinh nghiệm Nhà lãnh đạo.

Lớp được chia ra khoảng 6 nhóm (2 nhóm có nghiên cứu cùng 1 kỹ năng của nhà lãnh đạo). Các nhóm được chia ra từ đầu khóa học, không thay đổi trong suốt khóa học. Các thành viên nhóm ngồi gần nhau để thuận tiện cho việc phối hợp làm việc tại lớp.

Lịch trình báo cáo các nhóm được sắp xếp trong kế hoạch giảng dạy, các nhóm phải làm việc đúng lịch trình. Sinh viên tự do sáng tạo hình thức trình bày sao cho thật sự hấp dẫn người nghe (ví dụ: đóng kịch, chương trình phỏng vấn trên một liveshow truyền hình, một cuộc họp, một cuộc thi tìm hiểu thông tin...). Sinh viên nên sử dụng chương trình MS Power Point để hỗ trợ trình bày. Mỗi nhóm phải có phân chia khối lượng công việc cụ thể của từng thành viên đã làm, từng thành viên trong nhóm đều phải tham gia cụ thể trong buổi thuyết trình (trình bày, diễn kịch, clip minh họa...).

Thời gian cho một buổi thuyết trình cụ thể như sau:

- Thuyết trình : 30 phút
- Phản biện : 30 phút
- Khán giả tham gia : 15 phút
- Trả lời phản biện : 15 phút
- Giảng viên tổng kết : 10 phút

9. Thang điểm: 10/10

10. Tỷ lệ phần trăm các thành phần điểm và các loại hình đánh giá học viên:

Sinh viên học môn Tâm lý và Nghệ thuật lãnh đạo sẽ được đánh giá như sau:

- Đánh giá điểm giữa kỳ: 25% qua điểm thuyết trình.

Điểm thuyết trình được đánh giá cụ thể như sau:

- + Tác phong trình bày: Trang phục (1 điểm), Trình bày (2 điểm)
- + Power Point : 1 điểm
- + Word : 2 điểm
- + Trả lời phản biện : 2 điểm
- + Sáng tạo bằng Tiểu phẩm (1 điểm), Clip minh họa (1 điểm) - do chính các Sinh viên thực hiện.

Tổng cộng : 10 điểm

- Đánh giá điểm quá trình: 25% qua điểm phản biện.

Điểm Phản biện được đánh giá cụ thể như sau:

+ Nhận xét về tác phong : Trang phục (1 điểm), Nhận xét (2 điểm)

+ Nhận xét về clip, Tiêu phẩm : 1 điểm

+ Nhận xét về Power Point : 1 điểm

+ Nhận xét về Word : 2 điểm

+ Đặt câu hỏi và phản biện : 2 điểm

+ Điểm cho khán giả tham gia tham luận : 1 điểm

Tổng cộng : 10 điểm

- Thi kết thúc môn học : 50%

Thi cuối kỳ tiến hành trong 60 phút. Đề thi gồm 3 tình huống gồm 2 tình huống ứng xử (mỗi tình huống 3 điểm) và 1 tình huống thuyết phục (4 điểm), mục đích nhằm kiểm tra lý thuyết và sự vận dụng lý thuyết của sinh viên trong việc xử lý tình huống thực tế trong quản trị kinh doanh.

Thành phần	Thời lượng	Tóm tắt biện pháp đánh giá	Trọng số	Thời điểm
Kiểm định lần 1	30 phút	Thuyết trình	25%	tuần thứ 6 đến tuần 14
Kiểm định lần 2	30 phút	Phản biện	25%	tuần thứ 6 đến tuần 14
Thi cuối kỳ	60 phút	Thi viết	50%	Theo lịch PDT
		Tổng	100%	

13. Nội dung chi tiết môn học:

Tuần	Nội dung	CDR	PPGD	Trong lớp	Ngoài lớp	Đánh giá
1	Chương 1: Tâm lý - Đối tượng của môn học 1.1 Bản chất của Tâm lý 1.1.1 Khái niệm 1.1.2 Các thuộc tính của Tâm lý 1.2 Quy luật tâm lý 1.2.1 Thuyết Đức trị 1.2.2 Thuyết Pháp trị	<i>Nhận biết được</i> Bản chất của Lãnh đạo	+Thuyết giảng + Trình chiếu PP	+ Chia nhóm và đề tài của từng nhóm + Nghe giảng và ghi chép	Nghiên cứu bài tập tình huống	Ghi nhận các ý kiến
2	Chương 2: Con người - Cặp phạm trù Triết học	<i>Nhận biết được</i> 2 phần <i>Con</i> và	+Thuyết giảng	+ Chọn nhân vật cho đề tài Thuyết trình	Nghiên cứu bài tập tình huống	Ghi nhận các ý kiến

	2.1 “Con” trong con người 2.1.1 Lục dục 2.1.2 Thất tình 2.2 “Người” trong con người 2.2.1 Khổng giáo 2.2.2 Lão giáo 2.2.3 Phật giáo	<i>Người trong Con Người</i>	+ Trình chiếu PP	+ Nghe giảng và ghi chép	
3	Chương 3: Phương pháp Tư duy trong môn học 3.1 Tư duy 3.2 Phương pháp Phân tích	<i>Thiết kế được 3</i> Mô hình của Phong cách: Độc đoán, Dân chủ, Tự do	+Thuyết giảng + Trình chiếu PP + Bài tập tình huống	+ Nghe giảng và ghi chép + Tham luận và xử lý tình huống	Nghiên cứu bài tập tình huống + Ghi nhận các ý kiến + Phân tích và đánh giá các ý kiến.

	3.3 Phương pháp Đánh giá 3.4 Phương pháp Phán đoán, suy luận					
4	Chương 4: Các Nguyên lý căn bản trong Nghệ thuật lãnh đạo 4.1 Chân thành, thật tình 4.2 Tiên trách kỷ 4.3 Phù hợp với Văn hóa	Thiết kế được 3 loại Quyền lực: <i>Vị trí, Cá nhân, Chính trị</i>	+Thuyết giảng + Trình chiếu PP + Bài tập tình huống	+ Nghe giảng và ghi chép + Tham luận và xử lý tình huống	Nghiên cứu bài tập tình huống	+ Ghi nhận các ý kiến + Phân tích và đánh giá các ý kiến.

5	Chương 5: Nghệ thuật Dung hòa các mối quan hệ 5.1 Khiêm tốn - Nên tảng của Nhà lãnh đạo 5.2 Chữ “Biết” trong lãnh đạo 5.3 Biết người - Biết Ta 5.4 Nghệ thuật Dung hòa	<i>Thiết kế</i> các học thuyết đáp ứng cho Động viên, Thuyết phục bằng 2 nhu cầu chính : vật chất, Tinh thần	+Thuyết giảng + Trình chiếu PP + Bài tập tình huống	+ Nghe giảng và ghi chép + Tham luận và xử lý tình huống	Nghiên cứu bài tập tình huống	+ Ghi nhận các ý kiến + Phân tích và đánh giá các ý kiến.
6	Hướng dẫn thực hành					
7,8	<i>Thuyết trình và Phân biện</i> đề tài về Kỹ năng Phong cách	Trao đổi các kỹ năng: <i>làm việc nhóm, tự nghiên cứu, tự tin nói chuyện trước</i>	Hướng dẫn phương pháp để sinh viên thực hành: nghiên cứu,	Làm việc đúng vai trò: thuyết trình, Phân biện, Khán giả tham luận...	Nghiên cứu, thảo luận nhóm, tập dợt, quay clip...	Đánh giá điểm công khai theo Khung điểm qui định

		<i>công chúng, phản biện và trả lời phản biện...</i>	trình bày, trả lời, tranh luận...			
9, 10	Thuyết trình và Phản biện về đề tài kỹ năng Quyền hạn, Quyền lực	Trao đổi các kỹ năng: <i>làm việc nhóm, tự nghiên cứu, tự tin nói chuyện trước công chúng, phản biện và trả lời phản biện...</i>	Hướng dẫn phương pháp để sinh viên thực hành: nghiên cứu, trình bày, trả lời, tranh luận...	Làm việc đúng vai trò: thuyết trình, Phản biện, Khán giả tham luận...	Nghiên cứu, thảo luận nhóm, tập dợt, quay clip...	Đánh giá điểm công khai theo Khung điểm qui định
11, 12	Thuyết trình và Phản biện đề tài về Kỹ năng Động viên, Thuyết phục	Trao đổi các kỹ năng: <i>làm việc nhóm, tự nghiên cứu, tự tin nói chuyện trước công chúng,</i>	Hướng dẫn phương pháp để sinh viên thực hành: nghiên cứu, trình bày, trả	Làm việc đúng vai trò: thuyết trình, Phản biện, Khán giả tham luận...	Nghiên cứu, thảo luận nhóm, tập dợt, quay clip...	Đánh giá điểm công khai theo Khung điểm qui định

		<i>phản biện và trả lời phản biện...</i>	lời, tranh luận...			
13,14	Thảo luận					
15	Tổng kết	Đánh giá quá trình thực hành, những kỹ năng mềm học tập song hành cùng các kỹ năng của Nhà lãnh đạo	Phương pháp Tư duy	Tổng kết	Ứng dụng Nghệ thuật lãnh đạo vào trong cuộc sống	

Bảng 1: Bảng đánh giá chi tiết điểm Thuyết trình

Tiêu chí	Xuất sắc (9 – 10)	Giỏi (8 – < 9)	Khá (6 – < 8)	Trung bình (5 – < 6)	Không đạt (<5)
Tác phong					
Power Point					
Word					
Trả lời Phản biện					
Sáng tạo					

Bảng 2: Bảng đánh giá chi tiết điểm Phản biện

Tiêu chí	Xuất sắc (9 – 10)	Giỏi (8 – < 9)	Khá (6 – < 8)	Trung bình (5 – < 6)	Không đạt (<5)
Nhận xét Tác phong					
Nhận xét Power Point					
Nhận xét Word					
Đặt câu hỏi và Phản biện					

Vai trò Khách giả (điểm thưởng)					
---------------------------------------	--	--	--	--	--

Bảng 3: Bảng đánh giá chi tiết Bài thi cuối khóa

Tiêu chí	Xuất sắc (9 – 10)	Giỏi (8 – < 9)	Khá (6 – < 8)	Trung bình (5 – < 6)	Không đạt (< 5)
Tình huống ứng xử 1					
Tình huống ứng xử 2					
Tình huống thuyết phục					
Cộng					

14. Ngày hoàn chỉnh đề cương: 2019

TRƯỞNG KHOA



PGS. TSKH Phạm Đức Chính

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS Huỳnh Thanh Tú

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Ngành đào tạo: Khối ngành Kinh tế và Luật
Trình độ đào tạo: Sinh viên năm hai
Mã số: PP02

1. Thông tin chung (*general information*)

- Tên môn học	Phương pháp Nghiên cứu
- Tên môn học tiếng Anh	Introduction to Research Methods
- Mã số môn học	
Thuộc khối kiến thức	Cơ bản
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết/số buổi:	21 tiết / 7 buổi
+ Số tiết thực hành/số buổi:	9 tiết / 3 buổi
- Môn học tiên quyết:	
- Môn học song hành:	

2. Mô tả môn học (*course descriptions*)

Môn học tập trung vào các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và xã hội nhằm giúp học viên có khả năng thực hiện một nghiên cứu quan tâm trong tương lai dưới dạng độc lập cá nhân hay nhóm. Những nội dung được đề cập bao gồm xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu và thực hiện một nghiên cứu thực nghiệm (đánh giá những nghiên cứu trước, thu thập dữ liệu, sử dụng công cụ phân tích, viết và trình bày nghiên cứu...).

3. Nguồn học liệu (*learning resources: course books, reference books, ...*)

3.1 Sách, giáo trình chính:

- [1] Nguyễn Văn Thắng, Giáo trình thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh, 2014. Nhà xuất bản Đại học kinh tế Quốc dân.
- [2] Nguyễn Đình Thọ, 2011. *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh. doanh: Thiết kế và thực hiện*. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.
- [3] Social Science Research: Principles, Methods, and Practices, 2nd edition (Bản dịch)

3.2 Sách tham khảo:

[1] Creswell, J.W., 2014. *Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches*. 4th ed. CA: Sage.

4. Mục tiêu môn học (course goals)

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu tổng quát	Các chuẩn đầu ra được phân bổ cho môn học
G1	Nhận biết NCKH và lý do hình thành các nghiên cứu khoa học. Hiểu các nguyên tắc cốt lõi trong NCKH (liên chính trong học thuật). Hiểu quy trình, cấu trúc của một bài nghiên cứu.	G1.1 G1.2 G1.3
G2	Phát triển tư duy sáng tạo, tư duy phản biện khi thực hiện các thảo luận về lựa chọn đề tài nghiên cứu. Hình thành thái độ hợp tác khi thực hiện nhóm.	G2.1 G2.2
G3	Biết cách tìm kiếm các tài liệu tham khảo. Hiểu cách đánh giá các nghiên cứu liên quan. Áp dụng thực hiện bước đầu trong việc tìm kiếm các nghiên cứu liên quan đến chủ đề nghiên cứu. Đưa ra được các câu hỏi nghiên cứu.	G3.1 G3.2 G3.3 G3.4
G4	Bước đầu tiếp cận các phương pháp nghiên cứu phổ biến: định tính, định lượng, hỗn hợp (Định tính + Định lượng) Biết cách lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp. Bước đầu thực hành phương pháp nghiên cứu phù hợp	G4.1 G4.2 G4.3
G5	Hiểu và áp dụng các nguyên tắc về trích dẫn, tài liệu tham khảo. Hiểu và áp dụng các nguyên tắc văn phong khoa học.	G5.1 G5.2

5. Chuẩn đầu ra môn học (course learning outcomes)

G.x.x [1]	Chuẩn đầu ra môn học
G1.1	Nhận biết NCKH và lý do hình thành các nghiên cứu khoa học.
G1.2	Hiểu các nguyên tắc cốt lõi trong NCKH (liên chính trong học thuật).
G1.3	Hiểu quy trình, cấu trúc của một bài nghiên cứu.
G2.1	Phát triển tư duy sáng tạo, tư duy phản biện khi thực hiện các thảo luận về lựa chọn đề tài nghiên cứu.

G2.2	Hình thành thái độ hợp tác khi thực hiện nhóm.
G3.1	Biết cách tìm kiếm các tài liệu tham khảo.
G3.2	Hiểu cách đánh giá các nghiên cứu liên quan.
G3.3	Áp dụng thực hiện bước đầu trong việc tìm kiếm các nghiên cứu liên quan đến chủ đề nghiên cứu.
G3.4	Đưa ra được các câu hỏi nghiên cứu.
G4.1	Bước đầu tiếp cận các phương pháp nghiên cứu phổ biến: định tính, định lượng, hỗn hợp (Định tính + Định lượng)
G4.2	Biết cách lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp.
G4.3	Bước đầu thực hành phương pháp nghiên cứu phù hợp
G5.1	Hiểu và áp dụng các nguyên tắc về trích dẫn, tài liệu tham khảo.
G5.2	Hiểu và áp dụng các nguyên tắc văn phong khoa học.

6.Đánh giá môn học(course assessment)

6.1 Cấu trúc điểm thành phần

Thành phần	Minh chứng đánh giá	Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ %
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Bài tập cá nhân tại lớp A1.2 Bài tập nhóm tại lớp	G1, G2, G3, G4, G5	20%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thuyết trình nhóm A2.2 Tranh luận và phản biện	G1, G2, G3, G4, G5	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài tiểu luận nhóm	G1, G2, G3, G4, G5	50%

6.2 Tiêu chí đánh giá bài tự luận của cá nhân/ nhóm theo thang điểm 10

Điểm tiêu chí	< 5	5-7	7-8	8-10
Nội dung 70%	Đạo văn vượt quá tỷ lệ cho phép Bài làm sơ sài	Có hiểu về nguyên tắc trong nghiên cứu khoa học Bài làm còn sơ sài	Áp dụng được một số nguyên tắc trong nghiên cứu	Áp dụng tốt được một số nguyên tắc trong nghiên cứu.
Hình thức 30%	Trình bày khó hiểu	Trình bày dễ hiểu, câu trả	Trình bày dễ hiểu	Trình bày dễ hiểu, đẹp

6.3 Điểm cộng cho quá trình học

Sinh viên sẽ được cộng từ 0.5 – 1.5 điểm cho việc phát biểu xây dựng bài.

7. Kế hoạch giảng dạy (lesson plan):

Buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Minh chứng đánh giá	Giáo trình
1	GIỚI THIỆU VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (Tuần 1) Nội dung + Một số khái niệm về khoa học + Phân loại nghiên cứu + Nghiên cứu khoa học trong kinh tế + Đạo đức trong nghiên cứu + Trích dẫn trong nghiên cứu + Quy trình nghiên cứu	G1.1 G1.2 G1.3	Lập nhóm Thuyết giảng/minh họa Đặt câu hỏi Thảo luận nhóm (hoặc cá nhân)		[1] Chương 1, chương 10 [2] Chương 1 [3] Chương 1, 2, 16
2	TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU (Tuần 2) Nội dung + Hình thành và phát triển chủ đề + Tổng quan nghiên cứu có liên quan + Hình thành và phát triển chủ đề	G2.1 G2.2 G2.3 G4.2 G4.3 G4.4	Thuyết giảng/minh họa Đặt câu hỏi Thảo luận nhóm (hoặc cá nhân) Phát bài tập 1		[1] Chương 2 [2] Chương 1 [3] Chương 3, 4
3	PHÁT TRIỂN CÂU HỎI NGHIÊN CỨU VÀ KHUNG LÝ THUYẾT (Tuần 3)	G2.1 G2.2	Thuyết giảng/minh họa Đặt câu hỏi		[1] Chương 3 [1] Chương 4 [2] Chương 2 [3] Chương 3, 4

	Nội dung + Xác định một vấn đề nghiên cứu + Mục tiêu nghiên cứu + Giả thuyết nghiên cứu + Kiểm định giả thuyết + Cấu trúc đề cương nghiên cứu	G2.3 G2.4 G2.5	Thảo luận nhóm (hoặc cá nhân) Thu bài tập 1 Phát bài tập 2		
4	PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH 1 (Tuần 4) Nội dung + Kỹ năng tìm kiếm dữ liệu trên Internet + Thu thập thông tin từ nguồn thứ cấp + Thu thập thông tin từ nguồn sơ cấp + Thiết lập bảng câu hỏi trong nghiên cứu + Một số chủ đề ứng dụng	G2.5 G3.1 G3.2	Thuyết giảng/minh họa Đặt câu hỏi Thuyết trình nhóm Thảo luận nhóm (hoặc cá nhân) Thu bài tập 2 Phát bài tập 3		[1] Chương 5 [2] Chương 3 [3] Chương 13
5	PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH 2 (Tuần 5) Nội dung + Tổng thể, mẫu + Lý do chọn mẫu	G3.1	Thuyết giảng/minh họa Đặt câu hỏi Thuyết trình nhóm		[1] Chương 5 [2] Chương 3 [3] Chương 13

	+ Chọn mẫu xác suất + Chọn mẫu phi xác suất		Thảo luận nhóm (hoặc cá nhân)		
6	PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG 1 (Tuần 6) <i>Nội dung</i> + Biên tập số liệu + Mã hóa số liệu + Phân tích định lượng + Các công cụ phân tích định lượng	G3.4	Thuyết giảng/minh họa Đặt câu hỏi Thuyết trình nhóm Thảo luận nhóm (hoặc cá nhân). Thu bài tập 3 Phát bài tập 4		[1] Chương 6 [2] Chương 4 [3] Chương 14
7	PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG 2 (Tuần 7) + Biên tập và nhập liệu + Kiểm tra tính hợp lý dữ liệu + Rút trích bảng phân tích + Thống kê mô tả + Thống kê suy diễn	G5.1 G5.2 G5.3	Thực hiện trên máy tính với bộ dữ liệu thực nghiệm được cung cấp sẵn. Hướng dẫn phần mềm sử dụng		[1] Chương 6 [2] Chương 4 [3] Chương 15
8	PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU HỖN HỢP (Tuần 8) + Các phương pháp thu thập thập dữ liệu + Một số công cụ phổ biến trong thu thập thập dữ liệu	G3.3	Thuyết giảng/minh họa Đặt câu hỏi Thuyết trình nhóm Thảo luận nhóm (hoặc cá nhân)		[1] Chương 9 [2] Chương 5

	+ Bảo vệ đề cương nghiên cứu		nhân) Thu bài tập 4		
9	VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU (Tuần 9) + Kết cấu một bài báo cáo khoa học + Phương pháp trích dẫn + Cách thức viết báo cáo + Cách thức trình bày báo cáo	G4.1 G4.2 G4.3 G4.4	Thuyết giảng/minh họa Thuyết trình nhóm		[1] Chương 10 [3] Chương 16
10	BÁO CÁO NGHIÊN CỨU (Tuần 10)		Thuyết trình nhóm		

8. Quy định của môn học (course requirement and expectations)

Yêu cầu môn học bao gồm một số điểm sau:

- Sinh viên tham gia tích cực vào các buổi học.
- Mọi hành vi liên quan đến vi phạm vấn đề liêm chính học thuật đều bị hủy bỏ bài một cách vô điều kiện.
- Sinh viên chuẩn bị và hoàn thành bài tập về nhà hoặc yêu cầu của giảng viên theo đúng thời hạn. Nếu sinh viên nộp trễ, sẽ bị trừ 30% tổng số điểm của bài.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/Bộ môn:

- Giảng viên phụ trách môn học: Thầy/Cô được phân công

Tp.HCM, ngày 01 tháng 12 năm 2018

TRƯỞNG BỘ MÔN

hl
.....
Nguyễn Chí Hải

TRƯỞNG KHOA

hl
.....
Nguyễn Chí Hải